

Sở GD và ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Tổ: Ngữ văn
GV: Nguyễn Thị Nên
Thời gian thực hiện: Lớp 11/13 - Tuần 15,16,17 (tiết 43-50)
Lớp 11/2 – Tuần 14,15 (tiết 43-50)

BÀI 5
NHÂN VẬT VÀ XUNG ĐỘT TRONG BI KỊCH

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB 1: *Sống hay không sống - đó là vấn đề* (Trích Hăm-lét - Uy-li-am Sếch-xpia)

VB 2: *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* (Trích Vũ Như Tô - Nguyễn Huy Tưởng)

Thực hành đọc: *Prô-mê-tê bị xiềng* (Trích - Êt-sin)

2. Viết: Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội

3. Nói và nghe: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu (Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ)

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 8 Tiết – KHGD

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC

Năng lực chung	Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.
Năng lực đặc thù	<i>Năng lực ngôn ngữ</i> (đọc – viết – nói và nghe); <i>năng lực văn học</i> . - HS biết đọc hiểu văn bản kịch: + Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc. + Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. - HS viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp. - HS biết trình bày được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm; biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng, hấp dẫn.

II. PHẨM CHẤT

Biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và vượt lên mọi trở ngại.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, ti vi (hoặc máy chiếu), tranh ảnh, đoạn phim ngắn, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng để dạy học đọc, viết.
- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép, bảng kiểm, rubric đánh giá bài viết, bài nói (nếu có).

2. Học sinh.

- Đọc phần Tri Thức Ngữ Văn và chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kĩ phần yêu cầu, định hướng trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 43,44

VĂN BẢN 1: SỐNG, HAY KHÔNG SỐNG – ĐÓ LÀ VẤN ĐỀ (Trích Hăm-lét – Uy-li-am Sếch-xpia)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực sau:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,... qua đoạn trích *Sống, hay không sống – đó là vấn đề* của bi kịch *Hăm-lét*
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu trong đoạn trích *Sống, hay không sống – đó là vấn đề*, làm rõ được mối quan hệ giữa các chi tiết ấy với đề tài, câu chuyện, hành động kịch, nhân vật chính – phụ.
- Phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ bi kịch thể hiện qua cách dùng từ ngữ, biện luận, suy xét tự ý thức và ý thức về cuộc sống của nhân vật trong đoạn trích *Sống, hay không sống – đó là vấn đề*.

2. Phẩm chất: HS đồng cảm được với tâm trạng trăn trở, với những suy nghiệm của nhân vật Hăm-lét về cuộc đời, về chính mình, từ đó, biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và vượt lên mọi trở ngại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, miếng dán, phiếu đánh giá, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, bảng kiểm,... Ngoài ra, giáo viên nên chuẩn bị các tài liệu nói về lí thuyết bi kịch, các bài phê bình, nghiên cứu, các tác phẩm văn học, nghệ thuật, tranh ảnh liên quan đến vở kịch *Hamlet* và các sáng tác của Sếch-xpia.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi *Đi tìm ẩn số*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hỏi: 1. Nhà văn này được dân tộc Anh gọi thân thương là thi sĩ của dòng sông Avon – Ông là ai? 2. Kết thúc của kịch Rômeo và Juliet là đặc điểm chung của thể loại kịch này? 3. Anh/Chị hãy dịch cụm từ <i>to be, or not to be</i> 4. Người đã nói cụm từ đó là ai? 5. Bằng những cụm từ đã tìm được, sắp xếp và đem lại một thông tin văn học hữu ích.	1. Uy-li-am Sếch-xpia 2. Bi kịch 3. Sống hay không sống 4. Hăm-lét 5. HS tùy ý sắp xếp và cung cấp thông tin văn học theo suy nghĩ cá nhân (Có thể chuẩn xác hoặc chưa).
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS bàn bạc, trao đổi theo nhóm bàn thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS.	
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV tổ chức hoạt động. - Đại diện HS trả lời câu hỏi.	
Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, bổ sung, dẫn vào bài: <i>Theo các em, việc ý thức về tình trạng bi đát của hoàn cảnh có khi nào ngăn trở con người hành động quyết đoán trong cuộc đời không? Điều gì khiến câu nói “to be or not to be” trở thành bất hủ trong văn học? Chúng ta</i>	

hãy cùng nhau đến với “Sống, hay không sống – đó là vấn đề.” (Trích Hăm-lét – Uy-li-am Sếch-xpia) để tìm hiểu nhé!

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu bi kịch và một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,...

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, thuyết trình để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Kết quả nhóm và phần trình bày của đại diện.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: *Miếng dán biết nói*

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu tri thức ngữ văn bằng cách tổ chức cho HS chơi trò chơi <i>Miếng dán biết nói</i>: + Tất cả HS trong lớp đọc lướt Tri thức Ngữ văn tr.125, 126 (5 phút), sau đó gấp SGK lại. + GV chọn MC và hướng dẫn HS chia thành 3 đội chơi. + GV chuẩn bị giấy A0 và các từ khóa trên các miếng dán. + HS mỗi đội chơi sử dụng giấy A0 để trình bày sản phẩm theo từ khóa của nhóm mình. Vòng 1. Đại diện 3 đội chơi bắt thăm chọn từ khóa chủ: 1. Bi kịch 2. Nhân vật và xung đột trong bi kịch 3. Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch Vòng 2. Thành viên các đội đồng thời tìm các từ ngữ ở các miếng dán khác xếp theo từ khóa chủ một cách hệ thống. Gợi ý các từ khóa: Các từ in đậm là từ khóa chủ. 1. Bi kịch - Một thể loại kịch; xung đột...giữa những mong muốn, hành động cao đẹp, hào hùng của con người với những tình thế bi đát; thất nút; triển khai; giải quyết những xung đột; cốt truyện bi kịch; kết thúc bằng thảm cảnh; cái chết của một loạt nhân vật; cái đẹp, cái hùng bị thất bại; nỗi	I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn (SGK) 1. Bi kịch - Bi kịch là một thể loại thuộc về kịch. - Đặc điểm: + Bi kịch tập trung diễn tả những xung đột hệ trọng, đạt tới mức căng thẳng tột độ giữa những mong muốn, hành động cao đẹp, hào hùng của con người với những tình thế bi đát không thể đảo ngược của thực tại hay với những trở ngại tồn tại ngay trong bản tính con người. + Cốt truyện bi kịch: Được làm nên từ việc thắt nút, triển khai và giải quyết những xung đột; kết thúc bằng thảm cảnh hay bằng cái chết của một loạt nhân vật. + Trong bi kịch, việc cái đẹp, cái hùng bị thất bại đã đưa đến nỗi đau khổ cùng cực. Song chính từ đó, bi kịch trở thành tiếng nói khẳng định sự bất tử của ý chí, khát vọng và chiến thắng tinh thần của con người trong cuộc đấu tranh chống lại những tình thế bi đát của thực tại và những yếu hèn của cá nhân con người.

đau khổ cùng cực; sự bất tử của ý chí, khát vọng và chiến thắng tinh thần của con người; cuộc đấu tranh chống lại những tình thế bi đát của thực tại và những yếu hèn của cá nhân con người.

2. Nhân vật và xung đột trong bi kịch

- Khát vọng cao đẹp; tính cách mạnh mẽ; lựa chọn hành động tự do; chính kiến, đức tin; xung đột với hoàn cảnh thực tế; trở ngại ngay trong bản tính cố hữu; trạng thái giằng xé, bế tắc; tình huống hết sức nặng nề; kết thúc bi thảm; lời thoại trong bi kịch thường căng thẳng, chất chứa biện luận, thể hiện suy tư trăn trở và ý chí của những nhân cách mạnh mẽ, không khuất phục.

3. Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch

- Hành động kịch căng thẳng, gay gắt; kết cục bi thảm; người tiếp nhận; sợ hãi, kinh hoàng, thương cảm, xót xa; căm ghét cái đê tiện, giả dối; ngưỡng mộ, cảm phục cái cao cả; tâm hồn như được thanh lọc; nhà triết học Hy Lạp cổ đại A-rít-xtốt.

Vòng 3. Đội chiến thắng dựa trên sản phẩm vừa hoàn thành thuyết trình về những tri thức ngữ văn cần nhớ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Tất cả HS đọc Tri thức Ngữ văn theo yêu cầu.
- Thực hiện tham gia trò chơi sau 5 phút chuẩn bị.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS tham gia trò chơi, đội nhanh và đúng sẽ là đội chiến thắng.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức, phát thưởng hoặc cho điểm đội trả lời nhanh và đúng.

2. Nhân vật và xung đột trong bi kịch

- Nhân vật chính trong bi kịch:

+ Thường phải trải qua những trạng thái giằng xé, bế tắc, rơi vào những tình huống hết sức nặng nề và có kết thúc bi thảm.

+ Lời thoại thường căng thẳng, chất chứa biện luận, thể hiện suy tư trăn trở và ý chí của những nhân cách mạnh mẽ, không khuất phục.

- **Xung đột trong bi kịch:** là những mâu thuẫn gay gắt giữa lựa chọn hành động tự do của nhân vật với cái tất yếu vốn được thể hiện qua những thế lực cụ thể.

3. Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch

- Theo dõi bi kịch, người tiếp nhận thấy như đang trải nghiệm những bế tắc trong cuộc sống cùng nhân vật.

- Sau đó, thấy căm ghét cái đê tiện, giả dối; ngưỡng mộ, cảm phục cái cao cả; tâm hồn như được thanh lọc, trở nên hài hòa, thăng bằng hơn.

2.2. Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu:

- HS nêu được các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, vị trí văn học, sự nghiệp, đặc điểm bi kịch của tác giả Sếch-xpia.
- HS nắm được hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ cốt truyện, đặc điểm nhân vật Hăm-lét và tóm tắt được bi kịch *Hăm-lét*.
- Xác định được vị trí và tóm tắt được đoạn trích “*Sống, hay không sống – đó là vấn đề*”.

b. Nội dung hoạt động: Tham gia trò chơi để tìm hiểu kiến thức chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích.

c. Sản phẩm: Kết quả chuẩn bị ở nhà và trình bày của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức trò chơi: Đấu trường Design (thiết kế). - GV yêu cầu HS đọc phần giới thiệu tác giả, tác phẩm và đoạn trích trong SGK, sau đó cùng rà soát lại sản phẩm đã chuẩn bị ở nhà, chọn cử người trình bày (Không quá 5 phút). - Đội thắng cuộc là đội được các bạn tín nhiệm phiếu nhiều nhất. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, chuẩn bị thực hiện yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm trình chiếu sản phẩm. - Đại diện HS thuyết trình. - GV quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau và tín nhiệm bằng việc bỏ phiếu. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, khen thưởng cho nhóm chiến thắng, chuẩn kiến thức. - Mở rộng thêm (nếu cần).	II. Tìm hiểu chung (SGK) 1. Tác giả - Uy-li-am Sếch-xpia (1564 – 1616) là nhà soạn kịch, nhà thơ nổi tiếng nhất của nước Anh thời Phục hưng. - Quê hương, gia đình: ông sinh ra và lớn lên tại thị trấn Xơ-rét-phốt (Stratford) ở tây nam nước Anh trong một gia đình buôn bán len dạ. - Cuộc đời: + Khoảng năm 14 tuổi, do gia đình sa sút, Sếch-xpia phải thôi học. + Khoảng năm 1585, ông lên thủ đô kiếm sống, tham gia giúp việc cho một đoàn kịch, trở thành diễn viên, nhà soạn kịch kiêm đạo diễn, rồi người đồng sở hữu đoàn kịch. + Năm 1599, Sếch-xpia tham gia dựng nên Nhà hát Địa Cầu. - Sự nghiệp sáng tác: + Gồm 37 vở kịch, 4 bản trường ca và 154 bài thơ Xon-nê (sonnet), được dịch ra nhiều ngôn ngữ khác nhau. + Kịch của Sếch-xpia bao gồm nhiều thể loại (kịch lịch sử, hài kịch, bi kịch, bi hài kịch), trong đó nổi bật là bi kịch với nhiều kiệt tác như: Rô-mê-ô và Giu-li-ét, Vua Lia, Ô-ten-lô, Mắc-bét và đặc biệt là Hăm-lét. - Bi kịch của Sếch-xpia: + chứa đựng những suy ngẫm mang tính nhân văn sâu sắc, được thể hiện qua các hình tượng

	nhân vật phóng khoáng, tự do, có tính cách mạnh mẽ; + lời thoại sắc sảo, tinh tế; + nghệ thuật triển khai, đan xen các tuyến xung đột, các tuyến hành động kịch mang tính chất dồn nén, tập trung; + cốt truyện: dựa trên truyền thuyết có sẵn, mở rộng, khơi sâu chủ đề để dựng nên những hình tượng bất tử. 2. Tác phẩm a. Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ cốt truyện và đặc điểm nhân vật Hăm-lét - Bi kịch năm hồi <i>Hăm-lét</i> là sáng tác đỉnh cao của Séch-xpia, được viết trong khoảng thời gian 1599 – 1601. - Xuất xứ cốt truyện: Câu chuyện hoàng tử xứ Đan Mạch thời Trung cổ là Ăm-lét (Amleth) trả thù cho cha từng được ghi lại trong biên niên sử từ cuối thế kỉ XII của Xắc-xơ Gram-ma-ti-cút (Saxo Grammaticus), được Phơ-răng-xoa đơ Ben-phóc (François de Belleforest) kể lại vào năm 1576. - Đặc điểm nhân vật Hăm-lét: Được đặt “vào bối cảnh hậu kì Phục hưng, khi lí tưởng nhân văn chủ nghĩa lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc bởi xung đột với thực tại lịch sử nghiệt ngã”, nhân vật Hăm-lét của Séch-xpia không giống như hoàng tử Trung cổ là Ăm-lét trong biên niên sử mà có “cảm quan u tối về thực tại và ý chí đấu tranh khẳng định lí tưởng nhân văn chủ nghĩa. b. Tóm tắt bi kịch Hăm-lét (SGK) 3. Đoạn trích: Sống, hay không sống – đó là vấn đề a. Vị trí đoạn trích Đoạn trích từ cảnh 1, hồi III của bi kịch <i>Hăm-lét</i>, là màn kịch nổi tiếng nhất trong <i>Hăm-lét</i>. b. Tóm tắt đoạn trích - Hăm-lét nghi ngờ về cái chết của vua cha có liên quan đến Clô-đi-út – chú ruột của chàng, hiện là nhà vua mới.
--	---

	- Chàng quyết định giả điên để tìm ra chân tướng. - Nhà vua nghi ngờ chàng, vì thế đã trực tiếp cùng Pô-lô-ni-út rình nghe trộm cuộc trò chuyện của Hăm-lét với Ô-phê-li-a – con gái của Pô-lô-ni-út, cũng là người yêu của chàng. - Ô-phê-li-a trả lại những kỉ vật tình yêu và Hăm-lét nói với nàng những lời tàn nhẫn, cốt để nàng rời xa mình. - Trong Hăm-lét có những xung đột về nội tâm, chàng băn khoăn “Sống, hay không sống – đó là vấn đề”.
--	--

2.3. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,... qua đoạn trích *Sống, hay không sống* – đó là vấn đề của bi kịch *Hăm-lét*.
- HS phân tích được các chi tiết tiêu biểu trong đoạn trích *Sống, hay không sống* – đó là vấn đề, làm rõ được mối quan hệ giữa các chi tiết ấy với đề tài, câu chuyện, hành động kịch, nhân vật chính – phụ.
- HS phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ bi kịch thể hiện qua cách dùng từ ngữ, biện luận, suy xét tự ý thức và ý thức về cuộc sống của nhân vật trong đoạn trích *Sống, hay không sống* – đó là vấn đề.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm, tham gia cuộc tranh luận: *Hăm-lét – Hành trình đi tìm chính mình, Sống, hay không sống?* để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lưu ý HS đọc cước chú giải nghĩa một số từ ngữ khó hiểu, luyện để HS đọc đúng một số tên riêng, địa danh nước ngoài khó đọc trong văn bản, nhắc HS chú ý những chỉ dẫn trong các thẻ chỉ dẫn đọc bên phải văn bản để bước đầu thâm nhập vào nội dung văn bản. - GV mời một số HS đọc văn bản (đọc thành tiếng) theo lời phân vai, lưu ý để	III. Đọc và tìm hiểu chú thích 1. Đọc văn bản 2. Tìm hiểu chú thích (SGK)

HS biết nhập vai, nhấn giọng, biểu cảm (GV có thể tùy điều kiện của giờ học mà thực hiện trước việc “đọc mẫu” độc thoại của Hăm-lét – lời thoại khó hơn cả trong đoạn trích, hoặc tự mình sắm vai Hăm-lét, cùng đọc với HS, rồi sau đó cho HS đọc lại).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV gọi 1 HS đọc lời dẫn, 7 HS nhập vai các nhân vật đọc VB, 1 HS đọc cước chú giải thích nghĩa từ khó, kết hợp gọi các HS khác trả lời nhanh các câu hỏi ở thẻ chỉ dẫn.

- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS đọc văn bản theo yêu cầu.

- HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét cách đọc của HS.

- GV đọc mẫu một số lời độc thoại của Hăm-lét.

***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản**

GV hướng dẫn HS tham gia cuộc tranh luận: *Hăm-lét – Hành trình đi tìm chính mình, Sống, hay không sống?*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 6 nhóm, thảo luận các vấn đề theo yêu cầu, ghi kết quả vào giấy nhớ hoặc thiết kế slide trình chiếu nếu điều kiện cho phép (khoảng 10 phút), chuẩn bị tham gia tranh luận (mỗi nhóm cử đại diện tranh luận khoảng 5 phút).

Nhóm 1: Hăm-lét – Con người bên ngoài

Thảo luận về con người bên ngoài của Hăm-lét theo gợi ý sau: *Xác định ý nghĩa lời thoại của các nhân vật trước khi Hăm-lét xuất hiện.*

Nhóm 2,3: Hăm-lét – Con người bên

IV. Khám phá văn bản

1. Hăm-lét – Con người bên ngoài

** Trong Lớp kịch 1, vua và hoàng hậu tra hỏi kết quả dò xét Hăm-lét của Rô-den-cran và Ghin-đơn-xtơn*

- **Vua:**

+ Lời lẽ đẹp đẽ bề ngoài quan tâm đến bệnh tình của Hăm-lét, thực chất là muốn tìm hiểu nguyên nhân chứng “rối loạn tâm thần” của chàng.

+ Tâm trạng bất an của vua càng tăng khi được biết Hăm-lét “biết mình bị mất trí” và “đánh trống lảng bằng những cơn điên khôn khéo”, tức là Hăm-lét “điên” rất có ý thức.

- **Hoàng hậu:**

+ Quan tâm đến thái độ của Hăm-lét với mọi người (Vì sợ thái độ của chàng với mình), thì được biết chàng vẫn “lịch thiệp”, song “bên trong vẫn có vẻ gì gượng gạo”.

+ Thực lòng muốn Hăm-lét được giải toả khỏi cơn “rối loạn tâm thần”.

- **Rô-den-cran:** báo cho Hoàng hậu biết việc Hăm-lét chuẩn bị màn trình diễn “đêm nay”. Điều này cũng được **Pô-lô-ni-út** xác nhận.

- **Ở lớp kịch này, có thể thấy, Hăm-lét chỉ giả điên, vì:**

+ Chàng cảnh giác trước “những người bạn” mà chàng hiểu rõ đã thành tay sai của vua (với chàng, đây là thêm một bằng chứng về sự đảo điên của thời đại),

trong

Thảo luận về con người bên trong của Hăm-lét theo gợi ý sau:

- *Nêu nhận xét chung về tâm trạng của Hăm-lét thể hiện qua lời độc thoại.*
- *Theo mạch suy tưởng của Hăm-lét, lời độc thoại có thể chia làm mấy phần, nội dung từng phần là gì?*
- *Có thể xác định cách hiểu của Hăm-lét về “sống” và “không sống” như thế nào?*

Nhóm 4,5: Hăm-lét – Con người bên trong

Thảo luận về con người bên trong của Hăm-lét theo gợi ý sau:

- *Nêu lí do khiến Hăm-lét cho rằng “chết” đáng “mong muốn” mà cũng là “điều khó khăn” buộc người ta phải “ngừng lại mà suy nghĩ”.*
- *Phân tích ý thức của Hăm-lét về những “khổ nhục trên cõi thế” mà con người phải gánh chịu.*
- *Theo bạn, Hăm-lét sợ “nỗi khổ nhục” gì ở cõi “mênh mang sau khi chết”?*

Nhóm 6: Hăm-lét - Mối quan hệ giữa con người bên trong và con người bên ngoài

Thảo luận về mối quan hệ giữa bên trong và bên ngoài nhân vật Hăm-lét theo gợi ý: *Hăm-lét đã nhận thức như thế nào về nguyên nhân tình trạng do dự, không thể hành động quyết đoán của chính mình? Dựa vào phần tóm tắt vở kịch, hãy cho biết Hăm-lét đã làm gì sau khi nhận thức được bản chất vấn đề?*

Cách thức: *Mỗi đại diện sắm vai là một Hăm-lét, mỗi Hăm-lét sẽ thể hiện con người chính mình qua việc trình bày sản phẩm thảo luận của nhóm.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ Chàng vẫn ráo riết chuẩn bị cho màn trình diễn vạch mặt kẻ thù.

=> **Ý nghĩa:** Lời thoại của các nhân vật ở lớp kịch này bộc lộ tâm trạng bất an của vua, hoàng hậu và tinh thần cúc cung tận tụy của Rô-den-cran, Ghin-đơn-xton và Pô-lô-ni-út. Điều này cũng cố nhận thức của Hăm-lét về thời đại “đảo điên” mà khán giả đã biết ở hai hồi trước của vở kịch.

*** Trong lớp kịch 2, lời thoại của vua với hoàng hậu cho biết về âm mưu do thám tình hình Hăm-lét qua việc bố trí nghe trộm cuộc gặp gỡ của chàng với Ô-phê-li-a**

- **Vua:** Biện minh cho hành động xấu xa của mình và Pô-lô-ni-út bằng lời tuyên bố về vai trò của “hai thám tử hợp pháp” trong âm mưu này.

- **Hoàng hậu:** Đồng tình với vua, dằn dò Ô-phê-li-a với hi vọng chứng “điên” của Hăm-lét có nguyên nhân ở sự thất tình.

- **Ô-phê-li-a, người yêu của Hăm-lét:** Ngoan ngoãn phục tùng, vô tình trở thành đồng lõa với âm mưu do thám đó.

=> **Ý nghĩa:** Khẳng định thêm sự đảo điên của thời đại.

*** Trong lớp kịch 3, lời thoại của Pô-lô-ni-út dằn dò Ô-phê-li-a không chỉ bộc lộ vai trò của hắn như kẻ dàn dựng, thực thi âm mưu của vua, mà còn bộc lộ bản chất giả trá, luôn sống hai mặt của hắn.**

- Trong lời dằn dò con gái, **Pô-lô-ni-út khẳng định cách sống giả trá của hắn** “đã được chứng tỏ quá nhiều rồi”, là cách sống duy nhất thích hợp với thời đại “đảo điên”.

- Phần cuối lời thoại của Pô-lô-ni-út có tính chất của một lời **tự thú công khai**.

- Trong độc thoại đồng vọng của mình, **vua cũng thú nhận sự xấu xa** được “son tô phấn điểm... bằng những lời hoa gấm mĩ miều” trong cách sống của chính mình. Lời than của vua về “lương tâm” và về “gánh nặng của tội ác” cũng là lời tự thú, song là **tự thú với chính mình**.

=> **Ý nghĩa:** Sự xuất hiện dày đặc của những lời

Các nhóm thảo luận theo định hướng, chọn người tham gia tranh luận.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV lựa chọn HS làm MC dẫn dắt chương trình.
- Đại diện HS các nhóm tham gia tranh luận theo sự dẫn dắt của MC, HS còn lại lắng nghe và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chốt vấn đề, hướng dẫn HS đánh giá theo bảng kiểm (bên dưới).

thoại mang tính tự thú có thể được xem là một trong các đặc điểm của ngôn ngữ bị kịch.

Nhận xét chung:

- Ba lớp kịch diễn ra không chỉ làm tăng cường hành động kịch bên ngoài – âm mưu do thám hành động trả thù của Hăm-lét – mà còn làm cho người tiếp nhận đồng cảm với diễn biến của hành động kịch bên trong ý thức Hăm-lét – ý thức về thời đại đảo điên và xung đột giữa lí tưởng nhân văn của chàng với nó.

- Trình tự diễn biến của ba lớp kịch tương ứng với sự luân chuyển lời thoại cũng được tổ chức theo hướng phơi bày bản chất của các nhân vật, từ những người bị lợi dụng đến những kẻ đại diện tiêu biểu nhất của thời đại đảo điên – vua và tên cận thần tay sai Pô-lô-ni-út.

- Hăm-lét tuy chưa xuất hiện, nhưng các nhân vật khác đều tham gia vào việc dò xét hành động, suy nghĩ của chàng, đồng thời bộc lộ bản chất thực tại mà chàng đang đấu tranh chống lại. Hoàn cảnh bi đát của Hăm-lét được tô đậm qua ba lớp kịch: chàng bị bủa vây bởi thế lực đông đảo của thực tại thấp hèn, giả trá, sức mạnh của thế lực ấy không chỉ biểu hiện qua những kẻ đã rõ là thù, mà còn biểu hiện ở cả mẹ chàng, người yêu của chàng và những người chàng từng coi là bạn.

=> Ý nghĩa: *Ba lớp kịch cho ta thấy được động cơ giả điên của Hăm-lét (chỉ giả điên để đánh lạc hướng kẻ thù), đồng thời nắm bắt được tính cách những nhân vật xung quanh Hăm-lét, nhận thức được bầu không khí dò xét, do thám – một không khí bộc lộ bản chất giả trá của thời đại cũng như thực tại bi đát mà nhân vật đang phải đương đầu.*

2. Hăm-let – Con người bên trong

*** Tâm trạng của Hăm-lét qua lời độc thoại**

- Tâm trạng **bé tắc, trăn trở** của nhân vật ý thức về **cách sống, cái chết** của con người trong thời đại đảo điên.

- Ý thức về **mâu thuẫn** giữa quyết tâm hành động, xả thân, không cam chịu với trạng thái do

	dự, dẫn đo của con người trong suy tưởng mông lung về những gì sẽ đến sau cái chết. * <i>Mạch suy tưởng trong độc thoại của Hăm-lét</i> - Phương án chia độc thoại làm 3 đoạn: + Đoạn 1 (từ “Sống, hay không sống...” đến “... chẳng lẽ nào cao quý hơn?”): Đặt vấn đề – Sống hay không sống, “chịu đựng” hay “cầm vũ khí vùng lên”? + Đoạn 2 (từ “Chết, là ngủ. Không hơn...” đến “... chưa hề biết tới?”): Suy ngẫm về gánh nặng cuộc sống, sự giải thoát và sự ngăn trở của nỗi sợ cái “chưa biết tới” ở cõi chết. + Đoạn 3 (từ “Đấy, chính nỗi vương mắc của tâm tư ấy...” đến “... chẳng thể biến thành hành động”): Kết luận – Suy ngẫm về cái bất định sau khi chết ngăn trở quyết tâm hành động. - Phương án chia độc thoại làm 4 đoạn: + Đoạn 1 (từ “Sống, hay không sống...” đến “... chẳng lẽ nào cao quý hơn?”): Đặt vấn đề Sống hay không sống, “chịu đựng” hay “cầm vũ khí vùng lên”? + Đoạn 2 (từ “Chết, là ngủ. Không hơn...” đến “...cuộc sống dằng dặc này!”): Suy ngẫm 1 - Chết là ngủ, giải thoát khỏi mọi đau khổ thể xác trần tục, song ý nghĩ về “những giấc mơ nào sẽ tới” trong giấc ngủ của cõi chết đã ngăn trở việc chọn “giải pháp” này. + Đoạn 3 (từ “Bởi vì, ai là người có thể chịu đựng...” đến “...chưa hề biết tới”): Suy ngẫm 2 – Rũ bỏ “gánh nặng cuộc đời mệt mỏi” có thể chỉ bằng “một mũi dùi”, song ý nghĩ về “nỗi khổ nhục chưa hề biết tới” ở cõi chết đã ngăn trở việc tìm đến kết cục đó. + Đoạn 4 (từ “Đấy, chính nỗi vương mắc của tâm tư ấy...” đến “... chẳng thể biến thành hành động”): Kết luận – Suy ngẫm về cái bất định sau khi chết đã ngăn trở quyết tâm hành động. * “Sống” và “không sống” (to be, or not to be) - Theo GS Phùng Văn Tửu: Căn cứ trình tự đối ứng các vế hai câu đầu của độc thoại, từ “chết” mở đầu cho câu thứ ba tiếp theo, đồng thời sự
--	---

nhất quán với mạch suy tưởng của nhân vật trong chính thể độc thoại đem đến cho **“Sống” và “không sống” ý nghĩa:**

+ “Sống” hiểu theo nghĩa “được sống”, nhưng là sống nhục, tương ứng với trường hợp “chịu đựng tất cả...”

+ “Không sống” hiểu theo nghĩa “không được sống”,

+ “phải chết”, nhưng là chết vinh, tương ứng với trường hợp “cầm vũ khí vùng lên ..”

- Mở đầu độc thoại, Hăm-lét đặt vấn đề “Sống, hay không sống”, rồi cân nhắc thể nào là “cao quý”: sống “chịu đựng tất cả” hay “cầm vũ khí vùng lên” sẵn sàng chấp nhận không được sống nữa. Thực chất, đây chính là sự cân nhắc: không hành động hay hành động, đẳng nào cao quý hơn?

- Việc đặt câu hỏi giúp người đọc hình dung nhân vật thiên về hướng hành động “cầm vũ khí vùng lên mà chống lại với sóng gió của biển khổ, chống lại để mà diệt chúng đi”, dù linh cảm xa hơn là có thể sẽ không được tồn tại nữa. Bởi vậy mở đầu câu tiếp theo, nhân vật nói ngay đến cái chết thực không đáng sợ: “Chết, là ngủ. Không hơn...”

*** Lí do khiến Hăm-lét cho rằng “chết” đáng “mong muốn” mà cũng là “điều khó khăn” buộc người ta phải “ngừng lại mà suy nghĩ”**

Chết	
Đáng mong muốn	Khó khăn
- Ngủ - Chấm dứt mọi đau khổ của <i>cõi lòng</i> và muôn vàn vết tử thương mà <i>hình hài</i> phải chịu đựng - Thoát khỏi cái <i>thể xác trần tục</i>	- Mơ - Những giấc mơ nào sẽ tới

=> Hăm-lét coi ý nghĩ về “những giấc mơ nào sẽ tới” trong “giấc ngủ của cõi chết” chính là “điều khó khăn” gây tai họa cho cuộc sống. “Chết, là ngủ”. Như trong giấc ngủ, ta được giải thoát khỏi đau khổ thể xác. Song “ngủ” lại thường “mơ”.

	Liệu “trong giấc ngủ của cõi chết”, ta có thoát được những cơn ác mộng như sự tra tấn về tinh thần? Ý nghĩ về cái bất định ở cõi chết mà Hăm-lét đồng nhất với giấc mơ (có thể là tinh thần? Ý nghĩ về cái bất định ở cõi chết mà Hăm-lét đồng nhất với giấc mơ (có thể là những cơn ác mộng?) thực sự có thể coi là “tai hoạ” làm cho chàng chùn bước. * Ý thức của Hăm-lét về những “khổ nhục trên cõi thế” mà con người phải gánh chịu - Những nỗi khổ nhục mà con người phải gánh chịu: <i>những roi vọt và khinh khi của thời đại, sự áp bức của kẻ bạo ngược, hống hách của kẻ kiêu căng, những nỗi giày vò của tình yêu tuyệt vọng, sự trì chậm của công lí, hỗn xược của cường quyền, sự miệt thị của kẻ bất tài đối với đức tài nhân nhục</i> - Hăm-lét có khuynh hướng khái quát chúng lên thành “gánh nặng của cuộc đời mệt mỏi”, “mọi khổ nhục trên cõi thế”; - Những điểm nhấn vào nỗi khổ sở con người phải chịu đựng: “ai là người có thể chịu đựng được”, “có ai đành cam chịu, than vãn rên rỉ, đồ mồ hôi dưới gánh nặng”, “phải cam chịu mọi khổ nhục”. => Những khổ nhục được nhân vật liệt kê phần nhiều là nhân dân, những người cùng khổ, chứ không phải là chàng với tư cách hoàng tử, phải gánh chịu. Hăm-lét đặt mình vào vị thế nhân dân để đau nỗi đau thời đại, chứ không chỉ đấu tranh để trả mối thù cha. Xung đột chính của vở bi kịch không phải là xung đột cá nhân giữa Hăm-lét và vua, mà là xung đột giữa chàng với cả thời đại khổ đau. Cuộc đấu tranh của nhân vật, bởi vậy, thật hào hùng. - “Nỗi khổ nhục chưa hề biết tới” ở cõi “mê mang” sau khi chết của Hăm-lét: “nỗi sợ” lớn nhất của người lãnh lấy sứ mệnh đấu tranh chống lại cái ác, những thế lực mạnh mẽ hơn mình gấp bội, là sợ khi mình ngã xuống, cái ác vẫn còn đó, mà không còn ai tiếp tục sự nghiệp của mình, nghĩa là sự hi sinh của mình có thể là vô ích.
--	---

	+ Chính đó là “những giấc mơ, hay “nỗi khổ nhục” sau khi chết làm cho Hăm-lét kinh hãi nhất. + Hăm-lét, trước khi trút hơi thở cuối cùng ở cuối vở kịch, còn cố dặn dò bạn mình là Hô-ra-xi-ô (Horatio) “kể cho người đời biết rõ” câu chuyện của mình, với mong muốn sẽ có người tiếp bước trong cuộc đấu tranh chống lại cái ác. 3. Hăm-lét - Môi quan hệ giữa con người bên trong và con người bên ngoài <i>* Nhận thức của Hăm-lét về nguyên nhân tình trạng do dự, không thể hành động quyết đoán của chính mình</i> - Những suy tưởng xa xôi về cái chết của nhân vật luôn cản trở khát vọng hành động: + Khởi đầu, Hăm-lét thiên về cách sống cao quý với hành động – “cầm vũ khí vùng lên”. + Ý thức về thế lực mạnh mẽ mà mình phải đối đầu có thể không để cho mình sống dần chằng đến với ý nghĩ về cái chết mà chàng sẵn sàng chấp nhận như giấc “ngủ”, “châm dứt mọi đau khổ. + Mạch suy tưởng dần chằng đi xa hơn, tới những “giấc mơ” trong “giấc ngủ của cõi chết” có thể lại là ác mộng. Đến đây, Hăm-lét tự ý thức rằng ý nghĩ như thế ngăn trở hành động và “gây ra bao tai họa cho cuộc sống”. + Mạch suy tưởng của chàng quay trở về với sự chịu đựng đầy bức bối gánh nặng của “mọi khổ nhục trên cõi thế”. Gánh nặng đó có thể dễ dàng vứt bỏ chỉ bằng “một mũi dùi”, song thế lại là “bay tới những nỗi khổ nhục khác mà ta chưa hề biết tới” bất định và đáng sợ hơn “cam chịu mọi khổ nhục trên cõi thế”. - Hăm-lét không sợ chết, mà sợ ý nghĩ của chính mình về những gì sẽ đến sau nó. - Hăm-lét rút ra kết luận: Chính “nỗi vương mắc của tâm tư, ý nghĩ” (hay suy tưởng xa xôi về cái gì sẽ đến sau khi chết) “làm cho chúng ta trở thành hèn mạt tất cả, và ngọn lửa của quyết tâm vừa bùng lên đã mờ nhạt ồm yếu đi trước ánh leo lắt của ý nghĩ đó, bao dự kiến lớn lao, cao quý cũng phải xoay chiều đổi hướng, chẳng thể biến
--	---

	thành hành động”. - Hăm-lét nhận thức được: Chính ý nghĩ về cái gì sẽ đến sau khi chết luôn có khuynh hướng dập tắt mọi dự kiến hành động của chàng: cả khi chàng nghĩ về cái chết sẽ đến sau hành động “cầm vũ khí vùng lên”, lẫn khi chàng nghĩ tới việc tự giải thoát bằng “một mũi dùi”. Nhận thức đó thôi thúc chàng khắc chế những suy nghĩ bi quan của con người suy tưởng để bắt đầu hành động. * Diễn biến hành động kịch sau độc thoại “Sống, hay không sống – đó là vấn đề” thể hiện bước chuyển sang hướng hành động của nhân vật Hăm-lét: -Chàng quyết tâm nói những lời tàn nhẫn để đoạn tuyệt với Ô-phê-li-a, - Cho trình diễn vở kịch để khẳng định tội ác của vua, trực tiếp lên án hoàng hậu, - Giết Pô-lô-ni-út, - Tráo mật thư để vua Anh giết Rô-den-cran và Ghin-đơn-xton, - Chiến đấu với La-óc-tơ, - Khi âm mưu của vua bị vạch trần, chàng đã kết liễu số phận của hắn, - Trước khi trút hơi thở cuối, chàng dặn Hô-ra-xi-ô kể cho người đời biết rõ ngọn ngành câu chuyện và trăng trối việc bàn giao ngai vàng cho Pho-tin-brát – một người biết suy tính trong hành động.
--	--

Bảng kiểm đánh giá

Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
Cấu trúc bài thuyết trình	Bài thuyết trình được sắp xếp logic, rõ ràng, dễ theo dõi. Thiết kế, trình bày bài thuyết trình sinh động và thu hút người nghe (sử dụng công cụ trực quan, công nghệ khi thiết kế powerpoint).		
	Không có lỗi chính tả, ngữ pháp và quá nhiều chữ trong slide thuyết trình.		
Nội dung thuyết trình	Định hướng chính xác nội dung tranh luận.		
	Có nhiều ý kiến đánh giá chuẩn xác, sâu sắc, thuyết		

	phục.		
Kỹ năng thuyết trình	Phong thái tự tin, chuyên nghiệp, nhiệt huyết trình bày nội dung đề tài.		
	Thuyết trình một cách suôn sẻ, mạch lạc, luôn tương tác với người nghe.		
	Sử dụng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ hình thể và âm lượng phù hợp.		
	Trình bày bài thuyết trình theo đúng thời gian quy định.		

2.4. Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: HS nắm được kỹ năng đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

b. Nội dung:

- GV gọi lại những yếu tố đặc sắc của bài học, sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, chia sẻ kinh nghiệm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS ghi vào giấy nhớ một số kinh nghiệm đọc hiểu lời thoại luân phiên giữa các nhân vật và lời độc thoại trong văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	V. Tổng kết Kĩ năng đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại: - Nhận biết, phân tích và tổng hợp đối với các lớp lời thoại luân chuyển vốn mang ý nghĩa thúc đẩy hành động, tăng cường xung đột trong bi kịch: + Theo trình tự luân chuyển các lời thoại; + Theo hệ thống nhân vật; + Kết hợp cả hai cách, đổi theo các nhân vật và hành động trong từng lớp kịch. - Nhận biết, phân tích và tổng hợp đối với các độc thoại trong bi kịch: + Nhận diện được những độc thoại trong bi kịch nói chung + Nhận biết và phân tích chủ đề của một độc thoại – biện luận phức tạp trong bi kịch + Nắm bắt và phân tích được tính

	hùng biện đặc trưng cho cao trào của độc thoại – biện luận trong bi kịch, thấy được ý nghĩa của nó đối với việc triển khai xung đột bi kịch. + Phỏng đoán những ẩn ngữ trong lời độc thoại của nhân vật bi kịch. + Liên kết độc thoại với các diễn biến hành động kịch để nắm bắt trọn vẹn được nhân vật, cốt truyện của vở kịch; + Đánh giá được ý nghĩa nghệ thuật của độc thoại với chỉnh thể tác phẩm.
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu cảm nhận của bạn về con người Hăm-lét được thể hiện qua lời độc thoại trong *Sống, hay không sống* – đó là vấn đề.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV gợi ý cho HS về nội dung viết: Đoạn văn cảm nhận về nhân vật Hăm-lét phải được viết từ ấn tượng chung về nhân vật qua lời độc thoại, hay ấn tượng sâu sắc về một chi tiết, một tư tưởng nào đó trong lời độc thoại toát lên con người nhân vật. HS cần biết tiết chế, vận dụng phù hợp tri thức về nhân vật bi kịch, những hiểu biết về nhân vật từ văn bản đoạn trích, tóm tắt tác phẩm, tránh kể lể dài dòng.

- GV có thể dành thời gian (khoảng 5 – 7 phút) cuối tiết học cho HS viết tại lớp. Lưu ý HS về dung lượng, cách tổ chức đoạn văn; chuẩn mực ngữ pháp và việc diễn đạt của các câu; liên kết câu trong đoạn.

- HS viết đoạn văn ra vở (hoặc có thể làm trực tiếp qua đường link do giáo viên tự tạo nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép)

https://docs.google.com/forms/d/1I-K07HgHrUAEFw-HBUEF8wewwTB_l8IEzmdHurZn9K5M/edit

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh).

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo theo Rubric.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.

- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà).

- GV thu các bài viết làm hồ sơ phục vụ cho việc đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
----------	----------------	------

Hình thức	bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ).	0,5
Nội dung	Cảm nhận của bạn về con người Hăm-lét được thể hiện qua lời độc thoại trong <i>Sống, hay không sống – đó là vấn đề</i> .	
	Thể hiện được suy nghĩ, thái độ, cảm nhận, quan điểm rõ ràng.	2
	Đưa ra được lí lẽ xác đáng, thuyết phục.	2
	Trích dẫn phù hợp.	2
	Đưa ra được những đánh giá hợp lí, sâu sắc.	1
	So sánh với một số văn bản khác cùng đề tài.	1
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Gợi ý:

Mang trong mình nhiều hoài bão, lí tưởng nhân văn của một thanh niên thời đại Phục hưng nhưng đứng trước thực tế vô cùng khủng khiếp, bản thù, nhơ nhớp, oái oăm, Hăm-lét hoàn toàn mất niềm tin, hi vọng mọi điều tốt đẹp của cõi sống. Có lẽ, vì thế, cảm giác về cái chết, cõi chết luôn trở thành nỗi ám ảnh thường trực trong chàng. Hăm-lét nêu ra vấn đề: "Sống hay không sống ...", chàng không đưa ra một kết luận khẳng định bằng một phát ngôn mang tính chắc chắn như một số lần khác mà chàng dần trải vấn đề ấy ra bằng sự đắn đo và nỗi băn khoăn lớn. Đó chính là xung đột ngay trong linh cảm của chàng. Nếu chỉ đơn giản quan niệm "chết là hết, là kết thúc" thì Hăm-lét không phải băn khoăn và đắn đo nhiều. Nhưng bởi giữa cách sống mà phải cam chịu mọi tủi nhục ở đời với được hành động mà chết đi, mà biết được cả những gì sau khi chết tuy có khiến con người ưa suy nghĩ như chàng không thể không suy nghĩ, nhưng khi phải đưa ra cân nhắc ở thế đối chọi như vậy đã hàm chứa sự lựa chọn ngầm của chàng rồi. Trong chàng là cuộc tranh đấu: hèn mạt - quyết tâm, ngọn lửa bùng lên - ánh leo lét, dự kiến - hành động nhưng băn khoăn ấy đã chứa đựng một nội dung khẳng định sự thức tỉnh hay là tự nhận thức phương châm hành động. Đoạn độc thoại này không chỉ biểu lộ những dự cảm chết chóc bị kịch xuôi chiều như những lần phát ngôn khác mà còn hội tụ được cả những mâu thuẫn phức tạp đa chiều trong linh cảm của Hăm-lét. Chàng là kiểu người ưa suy tư, luôn do dự băn khoăn nên dù cảm chết chóc luôn choán lấy tâm trí của chàng nhưng ở chàng vẫn sáng ngời lí tưởng và mục đích cao cả.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Từ tính chất bi kịch của xung đột được thể hiện qua lời độc thoại của nhân vật trong bài đọc, HS liên hệ và giải quyết những tình huống thực tiễn.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập vận dụng theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Chỉ ra tính chất bi kịch của xung đột được thể hiện qua lời độc thoại của Hăm-lét. Theo bạn, trong xã hội hiện đại, xung đột đó có còn tồn tại hay không? Căn cứ để bạn nêu ý kiến về vấn đề này là gì?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
- GV hỗ trợ HS khi cần thiết.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS làm việc cá nhân hoặc nhóm hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo (sau 1 tuần).

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, góp ý hình thành những cảm quan thẩm mỹ tích cực cho HS.

Gợi ý:

- Ý 1: Tính chất bi kịch của xung đột được thể hiện qua lời độc thoại của Hăm-lét

Độc thoại *Sống, hay không sống* – đó là vấn đề tập trung diễn tả mâu thuẫn hệ trọng, căng thẳng, gay gắt giữa lựa chọn hành động đấu tranh vì lí tưởng nhân văn cao đẹp của Hăm-lét với cái tất yếu như những thế lực đối kháng khách quan (thực tại giả trá, khổ đau), lẫn cái tất yếu như thế lực đối kháng chủ quan (bản tính suy tưởng bi quan cố hữu làm con người hèn yếu ở bên trong nhân vật). Sự đối kháng với những thế lực ấy làm cho nhân vật rơi vào tình thế trăn trở, bế tắc, bị đẩy đến cùng cực. Hăm-lét tự ý thức được tình thế ấy, song vẫn không ngừng đấu tranh để khẳng định ý chí tự do của mình, hướng tới hành động không khoan nhượng. Xung đột trong độc thoại *Sống, hay không sống* – đó là vấn đề, do vậy, mang tính bi kịch sâu sắc. Độc thoại chính là đỉnh điểm của xung đột trong cả vở bi kịch Hăm-lét.

- Ý 2: Một số xung đột trong xã hội hiện đại

- + Vấn đề xung đột giữa lí tưởng cao đẹp về con người với những tồn tại tiêu cực trong đời sống xã hội,
- + Giữa ý chí hành động tự do với khuynh hướng suy tưởng bi quan ở trong mỗi người
- + “Hiệu ứng thanh lọc”, giải pháp cho những xung đột đó ở thời hiện đại, để không rơi vào tình huống bi kịch như nhân vật.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các bi kịch có cùng chủ đề
- Chuẩn bị bài: Văn bản 2. *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* (Trích *Vũ Như Tô* - Nguyễn Huy Tưởng).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 45,46

VĂN BẢN 2: VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI

(Trích *Vũ Như Tô*)

Nguyễn Huy Tưởng

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Hiểu được những đặc trưng của thể loại bi kịch được thể hiện trong đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*.

- Hiểu được tư tưởng, những đặc sắc trong nghệ thuật kịch của Nguyễn Huy Tưởng.

2. Phẩm chất: Biết cảm thông, trân trọng đối với người nghệ sĩ tài năng nhưng phải chịu số phận đau thương, từ đó biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và lựa chọn cách hành xử phù hợp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát tranh, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: Soát xong đến đây



Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chiếu hai bức tranh. - HS quan sát, trả lời câu hỏi: + Em cảm nhận được gì từ việc quan sát hai bức tranh trên? + Theo em, nghệ thuật và cuộc sống có mối quan hệ như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe, trao đổi, thảo luận theo bàn thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, khích lệ, động viên HS Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV tổ chức hoạt động - HS đại diện xung phong trả lời câu hỏi - HS khác quan sát, lắng nghe, tranh biện Bước 4: Đánh giá, kết luận	1. Hai bức tranh - Tranh thứ nhất: Đá cẩm thạch trắng Carrara, travertine kiểu La Mã - Tranh thứ hai: Lộc đài – Trụ vương xây để ngắm cảnh đẹp đất nước => Những tác phẩm nghệ thuật tuyệt tác, cái đẹp được tạo nên bằng tài năng, tâm huyết, bằng mồ hôi, nước mắt, thậm chí là máu,... 2. HS thể hiện quan điểm về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống: - Nghệ thuật và đời sống là hai phương diện có mối liên hệ mật

- GV nhận xét, gợi mở tiếp những suy ngẫm về nghệ thuật và cuộc sống. →GV dẫn vào bài: Phải chăng giá trị của nghệ thuật là ở chỗ nó có ích cho đời sống? Chúng ta hãy cùng nhau đi tìm đáp án cho câu hỏi còn nhiều băn khoăn trong bài học hôm nay.	thiết với nhau. - Nghệ thuật và cuộc đời là “Đường tròn đồng tâm”. - Chất liệu của nghệ thuật là cuộc sống. - Nghệ thuật phải vì cuộc đời mới bền vững,...
---	---

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích

a. Mục tiêu:

- HS nắm bắt được thông tin cơ bản về tác giả Nguyễn Huy Tưởng.
- HS nhận biết được bối cảnh ra đời của vở kịch *Vũ Như Tô*, tóm tắt được tác phẩm.
- HS xác định được vị trí của đoạn trích chuẩn bị cho việc đọc hiểu.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

U	N	N	H	A	N	V	A	N	E	L
B	G	H	N	A	M	K	N	H	A	I
K	B	T	G	N	A	M	N	H	M	C
H	C	V	U	N	H	U	T	O	E	H
L	E	M	Y	S	U	N	G	H	J	S
V	S	F	O	H	O	I	A	C	A	U
C	U	U	T	R	U	N	G	D	A	I
I	B	T	H	A	N	G	L	O	N	G
M	A	P	H	U	C	H	U	N	G	V

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thể hiện sự hiểu biết chung qua trò chơi Ô chữ bí mật (5 phút) - GV hình thành 2 đội chơi (mỗi đội 3 thành viên) - Các đội chơi dựa vào hệ thống câu hỏi và tìm ra bí mật từ ô chữ cho sẵn - GV chọn MC và hướng dẫn HS cách thức thực hiện trò chơi: + HS nghe câu hỏi, tìm từ khóa trong bảng chữ cái cho sẵn + Nhóm nào tìm xong trước là nhóm chiến thắng Các câu hỏi gợi ý những ô chữ cần tìm: 1. Đây là vở kịch nổi tiếng của Nguyễn Huy Tưởng	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Nguyễn Huy Tưởng (1912 – 1960), quê ở làng Dục Tú, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh - Ông là nhà văn, nhà viết kịch chuyên khai thác đề tài lịch sử - Các tác phẩm tiêu biểu: <i>Đêm hội Long Trì</i> (tiểu thuyết lịch sử 1942), <i>Vũ Như Tô</i> (kịch lịch sử 1943), <i>An Tư</i> (tiểu thuyết lịch sử 1944), <i>Cột đồng Mã Viện</i> (kịch lịch sử 1944), <i>Bắc Sơn</i>

(Đáp án: Vũ Như Tô)

2. Đề tài mà Nguyễn Huy Tưởng thường khai thác khi viết kịch

(Đáp án: Lịch sử)

3. Quê của Nguyễn Huy Tưởng

(Đáp án: Từ Sơn)

4. Số hồi trong vở kịch nổi tiếng của Nguyễn Huy Tưởng mà anh/chị vừa tìm được ở trên

(Đáp án: Năm)

5. Địa điểm xảy ra các sự kiện trong vở kịch vừa tìm ở trên.

(Đáp án: Thăng Long)

6. Đoạn trích nằm trong hồi cuối cùng của vở kịch có tên là gì?

Đáp án: Cờ Trùng Đài

U	N	N	H	A	N	V	A	N	E	L
B	G	H	N	A	M	K	N	H	A	I
K	B	T	G	N	A	M	N	H	M	C
H	C	V	U	N	H	U	T	O	E	H
L	E	M	Y	S	U	N	G	H	J	S
V	S	F	O	H	O	I	A	C	A	U
C	U	U	T	R	U	N	G	D	A	I
I	B	T	H	A	N	G	L	O	N	G
M	A	P	H	U	C	H	U	N	G	V

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS các đội chơi chuẩn bị câu trả lời theo sự dẫn dắt của MC

- GV quan sát, khích lệ, động viên HS

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS giờ tay trả lời từ khóa

- HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức, phát thưởng hoặc cho điểm HS tham gia giành chiến thắng.

- GV lần lượt trình chiếu kiến thức chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích.

(kịch lịch sử 1946)

2. Tác phẩm

- Thể loại: Bi kịch lịch sử gồm 5 hồi.

- Hoàn cảnh sáng tác: Vũ Như Tô được sáng tác từ sự kiện lịch sử có thật xảy ra ở thành Thăng Long vào đầu thế kỉ XVI, dưới triều Lê Tương Dực

- Tóm tắt:

+ Vũ Như Tô, một kiến trúc sư thiên tài, bị hôn quân Lê Tương Dực bắt xây dựng Cờ Trùng Đài, ông kiên quyết từ chối.

+ Cung nữ Đan Thiềm thuyết phục Vũ Như Tô lợi dụng quyền thế và tiền bạc của Lê Tương Dực để xây dựng một tòa lâu đài vĩ đại.

+ Vũ Như Tô chấp nhận xây dựng Cờ Trùng Đài, vô tình gây biết bao tai họa cho nhân dân.

+ Quận công Trịnh Duy Sản nổi loạn, giết Lê Tương Dực, Vũ Như Tô, Đan Thiềm. Cờ Trùng Đài bị thiêu hủy.

3. Đoạn trích: nằm trong hồi cuối cùng của vở bi kịch.

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Học sinh biết đọc diễn cảm văn bản theo vai

- HS hiểu được những đặc trưng của thể loại bi kịch được thể hiện trong đoạn trích *Vĩnh biệt Cờ Trùng Đài*.

- HS hiểu được tư tưởng, những đặc sắc trong nghệ thuật kịch của Nguyễn Huy Tưởng.
- HS biết liên hệ văn bản với đời sống, từ đó, lựa chọn cách hành xử phù hợp.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Nhiệm vụ 1: Đọc và tìm hiểu chú thích Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS: Căn cứ việc đọc trước văn bản ở nhà, thảo luận, phân tích giọng điệu của các nhân vật trong văn bản. - GV phân vai cho HS đọc diễn cảm văn bản. - Yêu cầu các HS trong lớp vừa đọc thầm, vừa chú ý đến thể chỉ dẫn bên phải văn bản trong khi đọc. - HS rút ra cách đọc diễn cảm một văn bản kịch sau khi đọc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó, trả lời nhanh các câu hỏi - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc văn bản theo yêu cầu. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - Sau khi HS đọc, GV hướng dẫn HS nhận xét về phần đọc của HS và hướng dẫn cách đọc diễn cảm một văn bản kịch. - GV nhắc HS về cách đọc, cách thể hiện tính cách nhân vật khi đọc văn bản, GV có thể gợi ý HS chuyển thể văn bản thành một vở diễn trên sân khấu, dựa trên những hướng dẫn ở sách	II. Đọc và tìm hiểu chú thích 1. Đọc văn bản * Giọng điệu của các nhân vật trong văn bản: - Vũ Như Tô: giọng chính trực, ngay thẳng. - Đan Thiềm: giọng tha thiết, chân thành. - Quân khởi loạn, Ngô Hạch: giọng hách dịch, xác xược, thô lỗ,... * Cách đọc diễn cảm một văn bản kịch: - Yếu tố quan trọng nhất của văn bản kịch là lời thoại của các nhân vật vì lời thoại thể hiện rõ hành động, tính cách, xung đột chính trong vở kịch. - Cần đọc thầm để xác định tính cách, cảm xúc của nhân vật được thể hiện trong lời thoại và dựa vào đó chọn lựa ngữ điệu, giọng điệu phù hợp. - Kết hợp với ngôn ngữ cơ thể để gia tăng sức biểu cảm của lời nói và sức hấp dẫn đối với người nghe. 2. Tìm hiểu chú thích (SGK) III. Khám phá văn bản 1. Sự kiện trong kịch * Các sự kiện chính trong vở kịch: 1.1. Đan Thiềm giục Vũ Như Tô đi trốn vì kiêu binh nổi loạn, định phá Cửu Trùng Đài, giết Vũ Như Tô, nhưng Vũ Như Tô nhất quyết ở lại. 1.2. Lê Trung Mai xuất hiện và báo tin Trịnh Duy Sản làm phản, nhà vua và hoàng hậu đều đã chết, Nguyễn Vũ biết tin đã tự sát theo vua. 1.3. Nội giám cho biết là loạn quân đã phá kinh thành, đốt Cửu Trùng Đài, Lê Trung Mai và bọn nội giám đều chạy trốn, nhưng Vũ Như Tô vẫn nhất quyết ở lại. 1.4. Quân khởi loạn và Ngô Hạch vào thành bắt lũ cung nữ và Đan Thiềm, Đan Thiềm một mực cầu xin tha mạng cho Vũ Như Tô. 1.5. Vũ Như Tô vẫn hi vọng An Hoà Hầu Nguyễn Hoàng

Chuyên đề học tập Ngữ văn 10.
Vở diễn có thể được biểu diễn trực tiếp trên lớp hoặc gián tiếp dưới dạng video clip, audio,...

***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 6 nhóm, phân công nhiệm vụ, cụ thể:

Nhóm 1: Tìm hiểu sự kiện trong kịch

HS thảo luận dựa trên các gợi ý:

Tóm tắt các sự kiện chính trong đoạn trích (có thể vẽ sơ đồ). Em có nhận xét gì về diễn biến của các sự kiện?

Cần chú ý:

* Tóm tắt các sự kiện chính:

+ Trong một vở kịch, sự kiện được biểu đạt một cách gián tiếp thông qua lời thoại của nhân vật và các chỉ dẫn trên sân khấu.

+ Để nhận ra sự kiện trong một vở kịch, cần xác định các nhân vật chính, chỉ ra hành động của các nhân vật, xác định những hành động quan trọng đã phá vỡ sự cân bằng của cốt truyện, đẩy vở kịch phát triển sang một bước ngoặt mới.

* Nhận xét về diễn biến của các sự kiện:

+ Các chỉ dẫn miêu tả bối cảnh sân khấu,

+ Sự xuất hiện của các nhân vật trên sân khấu,

+ Tương quan giữa các sự kiện trong các lớp kịch

Nhóm 2: Tìm hiểu tình huống kịch

Dụ sẽ biết là ông vô tội và để ông tiếp tục xây dựng Cửu Trùng Đài, nhưng khi biết tin chính An Hoà Hầu Nguyễn Hoàng Dụ đã ra lệnh đốt cháy Cửu Trùng Đài, Vũ Như Tô vô cùng tuyệt vọng và đề nghị quân sĩ dẫn mình đến pháp trường.

*** Diễn biến của các sự kiện:**

- Các chỉ dẫn sân khấu miêu tả không khí mỗi lúc một căng thẳng, kịch tính, biến loạn đã cận kề, đẩy nhân vật rơi vào tình thế nguy cấp.

+ Lớp I: Có tiếng quân ầm ầm, tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng tù và, tiếng ngựa hí.

+ Lớp II: Có tiếng động ầm ầm ở xa.

+ Lớp III: Một bọn nội giám nữa vào.

+ Lớp IV: Có tiếng kêu mỗi lúc một gần. Có tiếng đổ ầm ầm.

+ Lớp V: Có tiếng nhà đổ, tiếng cửa đổ. Có tiếng giày dép nhón nháo.

+ Lớp VI: Quân khởi loạn kéo vào, gươm giáo sáng loè.

+ Lớp VIII: Có tiếng ầm ầm như long trời lở đất.

+ Lớp IX: Chợt có ánh lửa sáng rực, cả tàn than, bụi khói bay vào).

- Các nhân vật xuất hiện trên sân khấu càng lúc càng nhiều hơn, mỗi khi một nhân vật mới xuất hiện, tình thế lại thêm phần nguy ngập, mâu thuẫn giữa các tuyến nhân vật lại thêm căng thẳng, nhân vật chính mỗi lúc một trở nên yếu thế, bị dồn tới chân tường.

- Các sự kiện được sắp đặt theo trật tự tăng tiến, ngày càng khốc liệt, nguy hiểm hơn.

=> Có thể nói, cách sắp đặt sự kiện, bối cảnh, nhân vật theo chiều hướng tăng tiến đã tạo nên nhịp điệu gấp gáp, căng thẳng, kịch tính cho đoạn trích, đẩy các xung đột lên tới mức cao trào, thông qua đó tái hiện được không khí lịch sử đầy biến loạn của thời đại cũng như số phận đầy bi kịch của con người.

*** Cốt truyện**

- Cốt truyện của đoạn trích thể hiện sự tập trung một cách cao độ, không có bất cứ sự kiện nào chệch hướng, sự kiện nọ xô đẩy sự kiện kia tới mức cao trào, kịch tính, tất cả các yếu tố miêu tả, trần thuật đều được giản lược ở mức tối đa để làm nổi bật hành động của nhân vật và xung đột chính trong vở kịch.

HS thảo luận dựa trên các gợi ý:

- Tình huống kịch là gì? Tình huống kịch có vai trò gì trong một vở kịch?

- Tình huống được miêu tả trong đoạn trích là gì?

- Trước tình huống đó, mỗi nhân vật có những phản ứng, hành động như thế nào? Những phản ứng, hành động đó thể hiện đặc điểm tính cách gì của nhân vật?

- GV có thể hướng dẫn HS trả lời câu hỏi bằng cách điền thông tin vào bảng sau:

Nhân vật	Lựa chọn, hành động	Tính cách	Nhận xét
Vũ Như Tô			
Đan Thiềm			
Nguyễn Vũ			
Lê Trung Mai			

Nhóm 3: Tìm hiểu xung đột kịch

HS thảo luận dựa trên các gợi ý:

- Xung đột kịch là gì?

- Xung đột chính trong đoạn trích là gì?

- Các sự kiện cũng được sắp xếp để tạo nên yếu tố bất ngờ, những cú rẽ đột ngột nhằm thu hút sự chú ý của người đọc (Vũ Như Tô không muốn ra pháp trường, ra sức thuyết phục quân khởi loạn cho phép gặp An Hoà Hầu để được tiếp tục xây dựng Cửu Trùng Đài, nhưng khi biết tin Cửu Trùng Đài bị đốt cháy, đã đề nghị quân lính dẫn mình ra pháp trường).

2. Tình huống kịch

* **Tình huống kịch:** Tình huống kịch là một hoàn cảnh đặc biệt giúp bộc lộ toàn bộ tính cách và số phận của nhân vật.

* **Tình huống được miêu tả trong đoạn trích:** Trịnh Duy Sản dấy binh làm loạn, giết nhà vua, đốt phá Cửu Trùng Đài, lùng bắt Vũ Như Tô.

=> Đây là một tình huống vô cùng kịch tính, làm thay đổi số phận nhân vật và đẩy nhân vật vào một tình thế buộc phải lựa chọn và hành động, thông qua lựa chọn và hành động đó mà bộc lộ tính cách.

* **Hành động, tính cách của nhân vật trong tình huống trên:**

- **Những lựa chọn, hành động của các nhân vật:**

+ Đan Thiềm khẩn thiết cầu xin Vũ Như Tô đi trốn để không uổng phí tài trời, ngay cả khi bị bắt vẫn một mực bảo vệ Vũ Như Tô.

+ Vũ Như Tô nhất quyết ở lại Cửu Trùng Đài, một lòng tin tưởng vào sự vô tội của mình và vẫn không thôi hi vọng có thể xây dựng Cửu Trùng Đài huy hoàng và cuối cùng chấp nhận cái chết khi chứng kiến Cửu Trùng Đài bị đốt cháy.

+ Nguyễn Vũ khi biết tin vua chết, kêu binh làm loạn liền tự sát theo vua.

+ Lê Trung Mai và đám nội giám đã lựa chọn chạy trốn.

+ Đám cung nữ quyền rũ binh sĩ, vu oan cho Đan Thiềm và Vũ Như Tô hòng mong thoát chết.

+ Ngô Hạch và đám quân sĩ đắc thắng khi bắt được Vũ Như Tô và đốt phá Cửu Trùng Đài.

=> Có thể thấy, trước cùng một tình huống, nhưng các nhân vật đã đưa ra những lựa chọn và hành động đối lập nhau:

+ Đan Thiềm một mực bênh vực Vũ Như Tô, trong

- Dựa vào đâu ta có thể nhận ra xung đột chính trong một vở kịch?

- GV hướng dẫn HS sử dụng sơ đồ tóm tắt sau khi **Nhóm 1** thiết kế để nhận ra mối quan hệ giữa xung đột và sự kiện, nhân vật trong đoạn trích.

- GV cũng có thể yêu cầu HS làm phiếu học tập để phân tích sự triển khai các xung đột kịch qua các lớp kịch.

Nhóm 4: Tìm hiểu nhân vật kịch

HS thảo luận dựa trên các gợi ý:

- Phân tích diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô được thể hiện trong đoạn trích (dựa vào các lời thoại và hành động của nhân vật).

- So sánh nhân vật Vũ Như Tô với các nhân vật trong các tác phẩm tự sự đã học, em nhận ra đâu là điểm khác biệt của nhân vật kịch so với nhân vật tự sự? Qua quá trình phân tích diễn biến tâm trạng và đặc điểm tính cách của Vũ Như Tô, em rút ra điều gì về cách phân tích một nhân vật kịch?

- GV yêu cầu HS đọc kĩ các lời thoại của Vũ Như Tô trong đoạn trích.

- GV phân tích mẫu lời thoại của nhân vật Vũ Như Tô trong một lớp kịch, chỉ ra hành động và tâm trạng của nhân vật được bộc lộ qua lời thoại.

- GV yêu cầu HS đọc lại văn bản, và xác định những bước

khi lũ cung nữ ra sức vu oan.

+ Nguyễn Vũ chết theo vua trong khi bọn nội giám và Lê Trung Mai chạy trốn.

+ Vũ Như Tô đau đớn chấp nhận cái chết khi Cửu Trùng Đài bị đốt cháy trong khi đám quân sĩ hi hỏ đắc thắng vì đốt phá Cửu Trùng Đài.

- Những lựa chọn, hành động đó làm nổi bật những tính cách đối lập của các nhân vật:

+ Sự tận trung của Nguyễn Vũ đối lập với sự phản trắc của Lê Trung Mai và bọn nội giám.

+ Sự ngay thẳng, cương trực và lòng vị tha của Đan Thiềm so với sự giả dối, ích kỉ của lũ cung nữ.

+ Sự cương trực, lãng mạn và tràn đầy lí tưởng của Vũ Như Tô so với sự thực dụng, thô lỗ, hèn hạ của đám quân sĩ và Ngô Hạch.

=> Có thể nói, tình huống kịch mà Nguyễn Huy Tưởng xây dựng trong đoạn trích thực sự đắt giá, giúp làm nổi bật xung đột chính trong vở kịch, cũng như bộc lộ rõ tính cách của nhân vật.

3. Xung đột kịch

* **Xung đột kịch:** là những mâu thuẫn gay gắt giữa lựa chọn hành động tự do của nhân vật như một nhân cách mạnh mẽ với cái tất yếu vốn được thể hiện qua những thể lực như định mệnh, bản tính tự nhiên, định kiến thời đại, thực tại xã hội,...

*** Xung đột trong đoạn trích:**

- **Trước hết được thể hiện qua mâu thuẫn gay gắt, quyết liệt giữa các tuyến nhân vật trong đoạn trích:** Vũ Như Tô và Đan Thiềm kiên quyết bảo vệ Cửu Trùng Đài, trong khi đó lũ nội giám, đám cung nữ, Lê Trung Mai đều không nhìn thấy hoặc thừa nhận giá trị của Cửu Trùng Đài, đám loạn quân phá huỷ Cửu Trùng Đài, mừng rỡ khi Cửu Trùng Đài bị đốt cháy. Vũ Như Tô và Đan Thiềm là những con người dũng cảm, trung thực, vị tha, có lí tưởng sống cao cả, sẵn sàng hi sinh tính mạng của mình để bảo vệ lí tưởng, trong khi đó các nhân vật còn lại trong đoạn trích đều là những nhân vật thực dụng, ích kỉ, dối trá, xu nịnh, hung bạo.

- **Mặt khác, xung đột kịch cũng thể hiện qua sự đối lập sâu sắc trong hành động kịch:** Đan Thiềm tha thiết xin Vũ Như Tô đi trốn nhưng Vũ Như Tô nhất quyết ở lại;

ngoặt trong diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô.

- GV yêu cầu HS đọc lại văn bản, và xác định những bước ngoặt trong diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô.

Nhóm 5: Tìm hiểu hình tượng kịch

HS thảo luận dựa trên các gợi ý:

Tìm các chi tiết miêu tả Cửu Trùng Đài trong đoạn trích. Hình tượng Cửu Trùng Đài được thể hiện bằng những phương tiện nào? Qua các phương tiện đó, em có thể thấy hình tượng Cửu Trùng Đài có ý nghĩa gì? Em có suy nghĩ gì về những phản ứng khác nhau của các nhân vật khi Cửu Trùng Đài bị đốt cháy?

Nhóm 6: Tìm hiểu thái độ của nhà văn

HS thảo luận dựa trên các gợi ý:

- Trong lời đề tựa kịch Vũ Như Tô, Nguyễn Huy Tưởng viết:

“Than ôi! Như Tô phải hay những kẻ giết Như Tô phải? Ta chẳng biết.

Cầm bút chẳng qua cùng một bệnh với Đan Thiềm.”

Lời đề tựa này cho thấy thái độ gì của tác giả đối với các nhân vật? Thái độ đó được biểu hiện như thế nào qua văn bản Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài?

- Tác giả đánh giá như thế nào về nhân vật Vũ Như Tô và các nhân vật khác trong đoạn trích?

Dựa vào đâu mà em cho là như

đám cung nữ khăng khăng đổ tội cho Vũ Như Tô nhưng Đan Thiềm ra sức bảo vệ Vũ Như Tô; Vũ Như Tô tha thiết xin được gặp An Hoà Hầu song đám quân lính nhất định dẫn Vũ Như Tô ra pháp trường...

=>Thông qua mâu thuẫn giữa các nhân vật và sự đối lập sâu sắc trong hành động kịch, có thể nhận ra xung đột chính trong đoạn trích cũng như trong suốt vở kịch là xung đột giữa lí tưởng nghệ thuật cao cả của một nghệ sĩ chân chính, tài hoa và đời sống lầm than, cơ cực của nhân dân; xung đột giữa sự cương trực, trong sáng, ngay thẳng của cá nhân với một xã hội tầm thường, giả dối, vụ lợi.

=> Các xung đột này vừa làm nổi bật thân phận đầy bi kịch của người nghệ sĩ cũng như thân phận đầy bi kịch của những cá nhân trong một xã hội loạn lạc, đầy biến động, nhưng cũng đồng thời khẳng định sức mạnh của ý chí và khát vọng tự do của con người: Cửu Trùng Đài đâu có bị đốt cháy, Vũ Như Tô đâu có bị hành quyết nơi pháp trường, thì ước vọng về một thứ nghệ thuật chân chính, tự do, cao cả vẫn không thể bị dập tắt.

4. Nhân vật kịch

*** Diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô được thể hiện trong đoạn trích (dựa vào các lời thoại và hành động của nhân vật):**

- *Khi nghe Đan Thiềm báo tin loạn quân đang kéo về triều đình để phá Cửu Trùng Đài, Vũ Như Tô vẫn không tin, một mực cho rằng mình vô tội, thậm chí hi vọng có thể thuyết phục An Hoà Hầu cho mình xây tiếp Cửu Trùng Đài.* Niềm tin ngây thơ này của Vũ Như Tô được thể hiện qua một loạt câu hỏi: “Sao bà nói lạ? Đài Cửu Trùng chưa xong, tôi trốn đi đâu. Làm gì phải trốn?”, “Tôi làm gì nên tội?”, “Phá Cửu Trùng Đài? Không đời nào? Mà tôi thì không làm gì nên tội..., những câu phủ định và những lời khẳng định rất dứt khoát: “Tôi không trốn đâu. Người quân tử không bao giờ sợ chết [...] Tôi sống với Cửu Trùng Đài, chết cũng với Cửu Trùng Đài. Tôi không thể xa Cửu Trùng Đài một bước”. Những lời thoại này thể hiện Vũ Như Tô là một nghệ sĩ khao khát theo đuổi lí tưởng nghệ thuật nhưng hoàn toàn xa rời thực tại.

- *Khi bị đám cung nữ vu oan, đám quân khởi loạn chế*

vậy?

- Đại diện các nhóm lên tham gia tọa đàm: **Câu chuyện văn chương**

- GV lựa chọn MC dẫn chương trình (Dựa vào hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị sẵn theo nhiệm vụ của các nhóm ở trên)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ và chọn cử đại diện tham gia tọa đàm

- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS các nhóm tham gia tọa đàm để thể hiện ý kiến đã thảo luận

- HS khác quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi phản biện,...

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV chốt kiến thức, đánh giá hiệu quả làm việc của các nhóm, của cá nhân và đại diện tham gia tọa đàm

giễu, sỉ nhục và khi chứng kiến việc Đan Thiềm ra sức bảo vệ cho mình, Vũ Như Tô đã nói những lời đanh thép, thể hiện một thái độ rất thẳng thắn, không chịu khuất phục trước cường quyền: “Giết thì cứ giết, nhưng đừng nghi oan.; “Sao bà lẩn thân thể, lạy cả một đũa tiêu nhân?”; “Mi thực là một tên bị ỏi. Sao trời lại để cho mi sống làm nhục cương thường!”. Mặt khác, ông vẫn không thôi hi vọng vào việc xây dựng Cửu Trùng Đài: “Ta sẽ xây một đài vĩ đại để tạ lòng tri kỉ.; “ta không có tội và chủ tướng các người sẽ cỡi trời cho ta để ta xây nốt Cửu Trùng Đài, dựng một kì công muôn thuở..”. Những lời nói này của Vũ Như Tô cho thấy ông là người cương trực, dũng cảm nhưng cũng hết sức trong sáng, ngây thơ, cả tin.

- Khi quân lính báo tin kinh thành phát hỏa, Cửu Trùng Đài sắp là một đồng tro tàn, Vũ Như Tô vẫn không tin, nhưng khi thấy ánh lửa sáng rực, tàn than, khói bụi bay vào, ông đã vô cùng căm phẫn, tuyệt vọng và thốt lên những lời thoại đầy đau đớn: “Đốt thực rồi! Đốt thực rồi! Ôi đảng ác! Ôi muôn phần căm giận! Trời ơi! Phút cho ta cái tài làm gì? Ôi mộng lớn! Ôi Đan Thiềm! Ôi Cửu Trùng Đài!”. Đây là những lời độc thoại thể hiện nỗi bi phẫn, sự thất vọng náo nức của Vũ Như Tô khi giấc mộng nghệ thuật của mình sụp đổ trước một thực tại tàn khốc. Đó cũng là lời than tiếc cho tài năng, cho thân phận nhỏ bé của người nghệ sĩ. Vũ Như Tô đã lựa chọn chết theo Cửu Trùng Đài. Lựa chọn chưa chút do dự khẳng định niềm say mê lí tưởng nghệ thuật của ông, nhất quán với tính cách cương cường, dũng cảm của ông, đồng thời tô đậm bi kịch vỡ mộng của người nghệ sĩ khi đối diện với một thực tại bóp nghẹt mọi giấc mơ sáng tạo của con người, bi kịch sụp đổ niềm tin của một cá nhân trước một thời thế chao đảo, nơi cái xấu và cái ác lên ngôi.

*** Sự khác biệt của nhân vật kịch so với nhân vật tự sự:**

- Điểm khác biệt quan trọng nhất của nhân vật Vũ Như Tô so với các nhân vật trong các tác phẩm tự sự khác như Chí Phèo (tác phẩm Chí Phèo), Tràng (tác phẩm Vợ nhặt), người đàn bà hàng chài (tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa),... là: Vũ Như Tô rất nhất quán trong

	tính cách và hành động, lời nói. Từ đầu đến cuối, ta thấy Vũ Như Tô đặt cược toàn bộ đời sống và tính mạng của mình vào Cữu Trùng Đài, bất chấp tất cả mọi khuyên can, ngăn trở, gièm pha, uy hiếp của người khác. Sự nhất quán cao độ này của nhân vật một mặt khẳng định ý chí tự do của con người, mặt khác góp phần thúc đẩy các xung đột lên tới mức cao trào, kịch tính, tạo nên sự hấp dẫn cho tác phẩm kịch. - Mặt khác, nếu như nhân vật trong các tác phẩm tự sự được biểu hiện thông qua các hình thức như giới thiệu lai lịch, miêu tả chân dung, khắc hoạ nội tâm, miêu tả hành động,... thì nhân vật Vũ Như Tô trong đoạn trích được khắc hoạ thông qua lời thoại. Vì nhân vật chỉ được hiện lên qua lời thoại và hành động, nên tính cách của nhân vật được bộc lộ một cách rất rõ ràng, trực tiếp, và vì thế gây ấn tượng mạnh mẽ đến người đọc, người xem. * Cách phân tích một nhân vật kịch, cần theo các bước: - Bước 1: Đọc kĩ lời loại, phân tích tâm trạng nhân vật qua lời thoại. - Bước 2: Đặt lời thoại của nhân vật trong ngữ cảnh giao tiếp, chỉ ra hành động bộc lộ qua lời thoại (Nhân vật đang nói với ai? Mục đích của lời thoại là gì?) - Bước 3: Nhận xét đặc điểm, tính cách nhân vật qua lời thoại và hành động. 5. Hình tượng kịch * Hình tượng Cữu Trùng Đài: - Hình tượng Cữu Trùng Đài được hiện lên một cách gián tiếp thông qua lời thoại của các nhân vật. Từ điểm nhìn của mỗi nhân vật khác nhau, Cữu Trùng Đài mang một ý nghĩa riêng: + Với Vũ Như Tô, Cữu Trùng Đài là lí tưởng sống và lí tưởng nghệ thuật mà ông cả đời theo đuổi, là thứ mà ông quý hơn cả mạng sống của mình, thậm chí ông sẵn sàng đánh đổi cả phẩm giá chính trực của mình, mượn quyền lực của Lê Tương Dực để xây dựng Cữu Trùng Đài (“Tôi sống với Cữu Trùng Đài, chết với Cữu Trùng Đài. Tôi không thể xa Cữu Trùng Đài một bước. Hòn tôi để cả đây thì tôi chạy đi đâu?”). Lúc nguy biến, Vũ Như Tô không hề quan tâm đến bản thân mình, chỉ một mục
--	---

nghĩ tới sự tồn vong của Cửu Trùng Đài. Khi biết tin Cửu Trùng Đài bị đốt cháy, ảo mộng tan vỡ, Vũ Như Tô lựa chọn chấm dứt sự sống của mình. Với Vũ Như Tô, xây Cửu Trùng Đài cũng là cách để ông cống hiến cho đất nước (“Không, ta chỉ có một hoài bão là tô điểm đất nước, đem hết tài ra xây cho nòi giống một toà đài hoa lệ, thách cả những công trình sau trước, tranh tinh xảo với Hoá công”).

-> Có thể nói, từ góc nhìn này, Cửu Trùng Đài là biểu tượng của tài năng, cái đẹp và nghệ thuật, một thứ nghệ thuật thuần khiết, cao cả, mang giá trị vĩnh cửu, vượt lên trên cuộc đời phàm tục, thoát ra khỏi những mục đích thực dụng. Cửu Trùng Đài cũng có ý nghĩa như một giấc mơ lãng mạn mà con người muốn theo đuổi trong suốt cuộc đời, bất chấp mọi cản trở và sự phủ phàng của thực tại.

+ Với Đan Thiềm, Cửu Trùng Đài là sự kết tinh của tài năng và khí phách của người nghệ sĩ. Hành động kiên quyết bảo vệ Cửu Trùng Đài, bảo vệ Vũ Như Tô của Đan Thiềm thể hiện một thái độ trân trọng cái tài, cái đẹp, niềm tin vào giá trị vĩnh cửu của cái đẹp.

+ Với những nhân vật khác trong đoạn trích, Cửu Trùng Đài là biểu tượng cho sự xa hoa, lãng phí, thậm chí cho tội ác của quyền lực, là nguyên nhân của mọi đau khổ, lầm than (mấy nghìn người chết vì Cửu Trùng Đài, mẹ mất con, vợ mất chồng”, “công khó hao hụt”, “dân gian lầm than, “man di oán giận”, thần nhân trách móc”). Sự chế giễu, sỉ nhục, vu oan của các nhân vật, và quyết định bắt giết Vũ Như Tô của đám quân khởi loạn cho thấy sự phủ định tất cả những giá trị nghệ thuật của Cửu Trùng Đài và sự phản kháng đối với quyền lực nhà vua.

-> Trong đoạn trích, cái nhìn của các nhân vật về Cửu Trùng Đài là rất khác nhau, thậm chí đối lập gay gắt với nhau. Sự đối lập đó thể hiện tính chất đa nghĩa của hình tượng, thể hiện một cái nhìn đa chiều của Nguyễn Huy Tưởng về nghệ thuật, về tài năng, về cá nhân. Nguyễn Huy Tưởng một mặt trân trọng tài năng và phẩm giá của Vũ Như Tô, thương xót cho số phận đầy bi kịch của người nghệ sĩ, nhưng mặt khác cũng nhận ra sự phù phiếm của một thứ nghệ thuật thoát li cuộc sống. Tác giả vừa ca ngợi sự chính trực, đầy lí tưởng của Vũ Như Tô,

nhưng đồng thời cũng chỉ ra sự viển vông và mù quáng của ông khi nhận thức về thực tại. Chính sự đa nghĩa của hình tượng và cái nhìn đa chiều của Nguyễn Huy Tưởng đã làm dấy lên trong người đọc nhiều chất vấn, suy tư, tạo nên một dư vị sâu sắc cho vở kịch.

6. Thái độ của nhà văn

- **Lời đề tựa** thể hiện thái độ phân vân của tác giả trong việc đánh giá về các nhân vật trong vở kịch, đồng thời bày tỏ sự đồng cảm của Nguyễn Huy Tưởng đối với sự trân trọng cái tài, cái đẹp của Đan Thiềm.

- **Thông qua cách xây dựng nhân vật, cốt truyện của tác phẩm:** Trong văn bản *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*, tuy không thể hiện một cách trực tiếp thái độ, quan điểm của mình, nhưng thông qua cách xây dựng nhân vật, cốt truyện, ta có thể nhận ra tư tưởng của Nguyễn Huy Tưởng:

+ **Thứ nhất, trong cách xây dựng hình tượng**, ta có thể thấy tác giả đã tạo nên hình tượng nhân vật rất đa diện, đặc biệt là nhân vật trung tâm Vũ Như Tô. Vũ Như Tô được miêu tả như một người kiến trúc sư tài ba, cương trực, có lí tưởng lớn, giàu lòng vị tha, không khuất phục trước cường quyền, nhưng lại ngây thơ phù phiếm, xa rời thực tế, thậm chí mù quáng, vì hoài bão xây dựng Cửu Trùng Đài mà vô tình gây ra biết bao lầm than, khổ cực cho nhân dân. Quân khởi loạn tuy hung hăng, thô lỗ, không hiểu biết gì về nghệ thuật và thậm chí độc ác, mù quáng khi trút giận lên Vũ Như Tô và Cửu Trùng Đài, nhưng thực ra sự nổi dậy mù quáng đó có căn nguyên từ nỗi đau khổ và oán giận trước sự hung tàn của hôn quân. Các nhân vật đều không nguyên phiến, với tính cách đầy mâu thuẫn, khó có thể đánh giá là tốt hay xấu. Hình tượng Cửu Trùng Đài dưới mắt Vũ Như Tô và Đan Thiềm là biểu tượng của tài năng, cái đẹp, khát vọng cống hiến, nhưng dưới mắt của quần chúng nhân dân là biểu tượng của sự xa hoa, tàn bạo của quyền lực. Sự mâu thuẫn trong tính cách nhân vật và sự đa nghĩa của hình tượng Cửu Trùng Đài cho thấy sự phân vân, hoài nghi và mâu thuẫn trong tư tưởng của tác giả: một mặt trân trọng, cảm thương cho người nghệ sĩ đầy lí tưởng, một mặt lại nhận ra sự phù phiếm, mù quáng của thứ nghệ thuật thuần túy

	+ Thứ hai, trong cách xây dựng cốt truyện, có thể thấy kết thúc của tác phẩm là Cửu Trùng Đài bị đốt cháy, Vũ Như Tô chủ động lựa chọn cái chết. Kết thúc bi kịch này vừa thể hiện sự huỷ diệt của Cửu Trùng Đài và cái chết của Vũ Như Tô là tất yếu, hay nói cách khác, nghệ thuật sẽ không thể tồn tại nếu không vì nhân sinh, nhưng mặt khác, ta vẫn có thể thấy được sự ngưỡng mộ của tác giả đối với nhân vật, qua cách tác giả đã để cho Vũ Như Tô hiên ngang chọn lấy cái chết, một cách đầy dũng cảm và nghĩa khí. Tính chất hai mặt trong kết thúc vở kịch đó đã thể hiện một thái độ đầy mâu thuẫn của Nguyễn Huy Tưởng. + Mặt khác, thái độ “biệt nhôn liên tài” của tác giả đã được bộc lộ một cách kín đáo qua hình tượng nhân vật Đan Thiềm. Đan Thiềm một mực khuyên Vũ Như Tô đi trốn để bảo toàn tính mạng, đừng xây dựng Cửu Trùng Đài, một mực bất chấp tính mạng che chở, bảo vệ, minh oan cho Vũ Như Tô. Đan Thiềm là tri âm tri kỉ của Vũ Như Tô, là người tin vào giá trị vĩnh cửu của nghệ thuật. Thông qua nhân vật Đan Thiềm, Nguyễn Huy Tưởng muốn khẳng định thiên tài nghệ thuật và lí tưởng cao đẹp của Vũ Như Tô, đồng thời bày tỏ niềm hi vọng vào một thứ nghệ thuật thanh cao có thể vượt thoát lên thực tại tầm thường.
--	---

2.3. Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được kĩ năng đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm đôi.
- HS làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Qua việc đọc hiểu văn bản <i>Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài</i>, em hãy: + Chỉ ra đặc trưng của các yếu tố sự kiện, cốt truyện, nhân vật trong tác phẩm kịch + Xác định cách nhận diện sự kiện và nhân vật trong tác phẩm kịch Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	IV. Tổng kết Kĩ năng đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại: * Sự kiện: - Sự kiện được biểu đạt một cách gián tiếp thông qua lời thoại của nhân vật và các chỉ dẫn trên sân khấu. - Để nhận ra sự kiện trong một vở kịch cần: + Xác định các nhân vật chính. + Chỉ ra hành động của các nhân vật. + Xác định những hành động quan trọng đã phá

- HS thảo luận nhóm và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện HS trình bày 01 phút kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức bằng sơ đồ, tổng kết bài đọc.	vỡ sự cân bằng của cốt truyện, đẩy vở kịch phát triển sang một bước ngoặt mới. * Cốt truyện: - Cốt truyện kịch tập trung một cách cao độ, được thể hiện bằng nhịp điệu gấp gáp, với nhiều tình tiết bất ngờ, đột ngột, tạo nên sự căng thẳng đầy kịch tính, nhằm thu hút sự chú ý của người đọc, người xem. - Xác định diễn biến sự kiện trong kịch (cốt truyện): + Chú ý đến các chỉ dẫn miêu tả bối cảnh sân khấu, + Sự xuất hiện của các nhân vật trên sân khấu, tương quan giữa các sự kiện trong các lớp kịch, từ đó, nhận ra diễn biến của các sự kiện trong đoạn trích. * Nhân vật: - Nhân vật kịch thường nhất quán trong tính cách và hành động, lời nói. Sự nhất quán cao độ này của nhân vật một mặt khẳng định tính cách nhân vật, mặt khác góp phần thúc đẩy các xung đột lên tới mức cao trào, kịch tính, tạo nên sự hấp dẫn cho tác phẩm kịch. - Khi phân tích nhân vật kịch, cần làm theo các bước: + Bước 1: Đọc kĩ các lời thoại, phân tích tâm trạng của nhân vật được bộc lộ qua lời thoại. + Bước 2: Đặt lời thoại của nhân vật trong ngữ cảnh giao tiếp, chỉ ra hành động được bộc lộ qua lời thoại (Nhân vật đang giao tiếp với ai? Lời thoại của nhân vật nhằm mục đích gì?) + Bước 3: Nhận xét về đặc điểm tính cách của nhân vật được bộc lộ qua lời thoại và hành động.
--	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Tổ chức tranh biện và kết nối đọc - viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Vở kịch gợi cho bạn suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, giữa lý tưởng và thực tế, giữa cá nhân và lịch sử?

GV chia lớp thành 3 nhóm tổ chức một cuộc tranh biện ngắn về một số câu hỏi gợi ý:

- Nhóm 1: Nghệ thuật có nhất thiết phải phục vụ cuộc sống hay không?

- Nhóm 2: Con người liệu có nên theo đuổi lí tưởng đến cùng, bất chấp những cái giá phải trả to lớn thế nào?

- Nhóm 3: Liệu mỗi hành động của cá nhân có thể làm thay đổi lịch sử hay không?

Nhiệm vụ 2: Kết nối đọc - viết

Theo bạn, vấn đề xã hội nào được đề cập trong đoạn trích? Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về vấn đề đó.

- GV hướng dẫn HS thảo luận, nhận ra những vấn đề xã hội được đề cập trong đoạn trích, chẳng hạn:

- + Mỗi quan hệ giữa cá nhân và lịch sử.
- + Lí tưởng và mơ ước của con người.
- + Mỗi quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống.
- + Lựa chọn và hành động.

- Cá nhân HS lựa chọn vấn đề và viết đoạn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: HS thảo luận theo nhóm, chuẩn bị tranh biện.

Nhiệm vụ 2: Kết nối đọc - viết.

- GV làm mẫu, đặt ra những câu hỏi nghiên cứu về một vấn đề, sau đó, cho HS tự lựa chọn một vấn đề xã hội mà mình muốn tìm hiểu, tự đặt câu hỏi xoay quanh vấn đề đó.

- HS dành thời gian viết ngắn ngay tại lớp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- **Nhiệm vụ 1:** GV tổ chức cuộc tranh biện giữa các nhóm HS.

- **Nhiệm vụ 2:** HS có thể đọc chéo bài của nhau hoặc GV chấm mẫu một số bài ngay tại lớp.

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, phát thưởng hoặc cho điểm những HS tranh biện thuyết phục

- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết đoạn văn theo Rubric (ở nhà).

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ) .	1.0
	Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn.	0.0
Nội dung	Suy nghĩ về vấn đề xã hội được đề cập trong đoạn trích <i>Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài</i> .	
	Lựa chọn được một vấn đề xã hội được đề cập trong đoạn trích.	2.0
	Đưa ra được những đánh giá xác đáng, hợp lí.	3.0
	Đưa ra được những dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục.	2.0
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	1.0
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức bài học, kết hợp cùng năng lực cá nhân, giải quyết tình huống thực tiễn.

b. Nội dung: HS thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu GV giao theo năng lực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành các nhóm thực hiện các nhiệm vụ:

*** Nhóm 1 (Nhóm Sử học):** Tìm hiểu căn cứ các thông tin lịch sử được Nguyễn Huy Tưởng sử dụng trong văn bản.

- Thông tin về các nhân vật lịch sử (Vũ Như Tô, Lê Tương Dực, Trịnh Duy Sản).

- Các địa danh lịch sử (Cửu Trùng Đài, thành Thăng Long).

- Các sự kiện lịch sử xảy ra ở thành Thăng Long vào thế kỉ XVI.

*** Nhóm 2 (Nhóm phóng viên):** Đóng vai một nhà báo phỏng vấn người dân thường ở thành Thăng Long thế kỉ XVI về cuộc sống, thân phận của họ, viết tiểu sử nhân vật Vũ Như Tô,

*** Nhóm 3 (Nhóm Thiết kế):** Vẽ lại sơ đồ thành Thăng Long và vị trí của Cửu Trùng Đài,...

*** Nhóm 4 (Nhóm chuyên gia kịch):** Chỉ ra những điểm khác biệt của vở diễn so với kịch bản văn học (có thể tham khảo vở diễn Vũ Như Tô của đạo diễn Phạm Thị Thành, được Nhà hát Tuổi trẻ dàn dựng vào năm 1995).

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ (ở nhà).

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS có thể nộp báo cáo sản phẩm cho GV cũng như trưng bày các sản phẩm của mình trước cả lớp dưới các hình thức multimedia như video clip, audio, poster, podcast,...

- HS khác quan sát, nhận xét phần thể hiện của bạn.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện bài tập vận dụng.

- Tìm đọc thêm các văn bản cùng chủ đề, đề tài.

- **Chuẩn bị bài: Thực hành đọc. Prô-mê-tê bị xiềng** (Trích - Êt-sin) và **Viết:** Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.

- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....

THỰC HÀNH ĐỌC Ở NHÀ

PRÔ-MÊ-TÊ BỊ XIỀNG

(Trích - É-t-sin)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Chỉ ra đặc điểm tính cách của nhân vật Prô-mê-tê được bộc lộ qua lời thoại của chính nhân vật này.

- Nêu thông điệp chính của văn bản.

2. Phẩm chất

Biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và vượt lên mọi trở ngại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, tranh ảnh, video liên quan, phiếu học tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

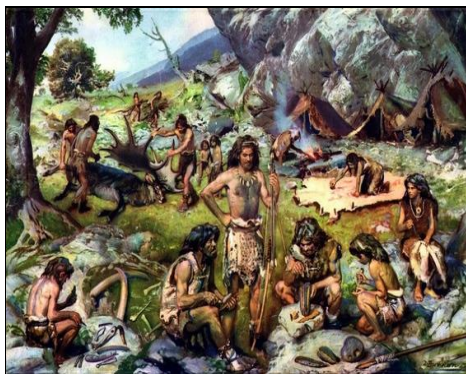
- HS có hứng thú đối với bài học.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: GV cho HS xem một số bức tranh và suy nghĩ trả lời nhanh câu hỏi liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:



Tranh 1



Tranh 2



Tranh 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS xem 3 bức tranh theo thứ tự.

- HS thảo luận nhóm theo bàn:

Vòng 1: HS đoán tên bức tranh.

Vòng 2: HS dựa trên những bức tranh kể lại câu chuyện mình biết hoặc bản thân tự tưởng tượng.

Đội chiến thắng là đội đoán đúng và kể hay nhất.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe, thảo luận nhóm.

- GV quan sát, khích lệ, động viên HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS đại diện nhóm trình bày kết quả.

- HS khác lắng nghe, tranh biện.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

→ Dự kiến trả lời và dẫn vào bài:

Vòng 1: Gọi tên tranh

Tranh 1. Prô-mê-tê và loài người

Tranh 2. Prô-mê-tê lấy lửa

Tranh 3. Prô-mê-tê bị xiềng

Vòng 2: Kể chuyện theo tranh

HS tự kể, GV kết nối dẫn vào bài

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu:

- HS nắm bắt được thông tin cơ bản về tác giả Êt-sin.

- HS hiểu được xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, tóm tắt, chia bố cục vở kịch *Prô-mê-tê bị xiềng*

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả và văn bản.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	I. Tìm hiểu chung
Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm	1. Tác giả: Êt-sin (525 – 456 trước Công

hiếu ở nhà về tác giả, tác phẩm (có thể trình bày thêm các tư liệu thu thập).

- Trình bày hiểu biết ngắn gọn của em về tác giả.

- Xác định: Thể loại, xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác, tóm tắt và chia bố cục văn bản.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đã chuẩn bị phần tìm hiểu ở nhà

- HS thảo luận theo bàn thêm 3 phút

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số HS trình bày nhanh về tác giả và văn bản

- HS nhận xét, bổ sung cho nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Nguyên), người Hy Lạp, đóng vai trò lớn trong lịch sử phát triển của nền bi kịch cổ đại

2. Prô-mê-tê bị xiềng

- **Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:** *Prô-mê-tê bị xiềng* là vở bi kịch nổi tiếng nhất trong số những bi kịch còn lại của É-t-sin, khai thác đề tài từ thần thoại Hy Lạp về Prô-mê-tê – vị thần đã cả gan đánh cắp lửa trời về cho loài người và bị thần Dớt trừng phạt nặng nề (bị đóng đinh trên đỉnh núi Cô-ca-dơ, bị một con điều hâu ngày đêm moi gan, móc ruột).

- **Tóm tắt văn bản:** *Prô-mê-tê bị xiềng* là vở kịch được tái hiện bắt đầu là cuộc đối thoại giữa thần Bạo lực và thần Hê - phai-xtoi ở nơi hoang mạc không bóng người. Thần Zeus đã cho người giải Prô-mê-tê đến nơi gánh chịu hình phạt là trụ đá vì lừa yêu người trần, đã lấy cắp lửa đưa đến cho họ. Hê - phai-xtoi người được cử giết Prô-mê-tê, tuy rất thương nhưng không thể làm trái lời Zeus. Tuy vậy, với Prô-mê-tê thì chịu cực hình còn hơn là đi làm nô lệ cho tên Zeus. Tất cả ai cũng đều thương xót cho Prô-mê-tê. Sau đó là những hình phạt tiếp tục bị đè xuống Prô-mê-tê vì không khai tên người tiết lộ sẽ lật đổ Zeus, vì thế phải lãnh chịu những cơn phạt khủng khiếp đến từ tên Zeus, như cơn giông bão sấm sét, bị điều hâu moi gan, nhưng tất cả đều không thể đánh bại ý chí kiên cường và không chịu khuất phục trước số phận của Prô-mê-tê.

- **Bố cục:** Văn bản chia làm 2 phần:

+ Phần 1: Lời thoại của nhạc trưởng: Mọi người muốn biết lí do tại sao Thần Vương bị giam giữ.

+ Phần 2: Lời thoại của Prô-mê-tê: Lí giải những thắc mắc của nhạc trưởng.

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu: Thông qua cốt truyện và sự phát triển của các tình tiết trong tương quan đối sánh với truyện thần thoại.

- HS chỉ ra được đặc điểm tính cách của nhân vật Prô-mê-tê được bộc lộ qua lời thoại của chính nhân vật này.

- HS nêu được thông điệp chính của văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu đặc trưng của thể loại kịch.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS khám phá văn bản trên tương quan đối sánh với truyện thần thoại để nhận thức rõ nét hơn đặc trưng của thể loại kịch. - GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS các nhóm đọc và tìm hiểu văn bản, cụ thể: Nhóm 1: Tìm hiểu cốt truyện - Cốt truyện truyện thần thoại và cốt truyện vở kịch có giống nhau không? Nhóm 2: Tìm hiểu sự phát triển các tình tiết - Sự khác biệt giữa mạch tình tiết trong truyện thần thoại và xung đột trong vở kịch Nhóm 3: Tìm hiểu nhân vật - Sự khác biệt giữa nhân vật Prô-mê-tê trong truyện và trong kịch Nhóm 4: Tìm hiểu thông điệp - Thông điệp của thần thoại - Thông điệp của Êt-sin Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức khăn trải bàn Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS các nhóm trình bày sản phẩm - HS khác quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi,... Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	II. Đọc hiểu văn bản 1. Tìm hiểu cốt truyện		
	Các yếu tố đối sánh	Prô-mê-tê (thần thoại Hy Lạp)	Prô-mê-tê (văn bản kịch)
	Cốt truyện	Thần Prô-mê-tê là một vị thần khổng lồ và là người tạo ra loài người. Ông là con trai của Iapetus và Themis, anh em của Atlas, Epimetheus và Menoetius. Ông cũng là người giúp đỡ rất nhiều người bằng cách ngụy trang giấu đồ ăn. Prô-mê-tê đã ăn cắp ngọn lửa từ thần Helios và trao nó cho nhân loại. Zeus đã trừng phạt ông bằng cách buộc ông vào tảng đá và để cho con đại bàng ăn gan ông hàng ngày, nhưng lá gan cứ bị ăn vào ban ngày và tái	<i>Prô-mê-tê bị xiềng</i> bắt đầu là cuộc đối thoại giữa thần Bạo lực và thần Hê - phai-xtot ở nơi hoang mạc không bóng người. Thần Zeus đã cho người giải Prô-mê-tê đến nơi trụ đá để lãnh chịu hình phạt vì lỗi yêu con người mà đã lấy cắp lửa cho họ. Hê - phai-xtoi người được cử giết Prô-mê-tê, tuy rất thương nhưng không thể làm trái lời Zeus. Tuy vậy, với Prô-mê-tê thà chịu cực hình còn hơn là đi làm nô lệ cho tên Zeus. Tất cả ai cũng đều thương xót cho Prô-mê-tê. Sau đó là những hình phạt tiếp tục bị đè xuống Prô-mê-tê. Chàng vì không khai tên người sẽ lật đổ Zeus, nên phải lãnh chịu những cơn phạt khủng khiếp đến từ tên

		sinh vào ban đêm. Cuối cùng, Prô-mê-tê đã được Heracles giải thoát khi làm nhiệm vụ tìm kiếm những quả táo vàng.	Zeus, như những cơn giông bão sấm sét, thậm chí bị điều hâu moi gan. Nhưng tất cả đều không thể đánh bại ý chí kiên cường của chàng.
	2. Tìm hiểu sự phát triển các tình tiết		
	Các yếu tố đối sánh	Prô-mê-tê (thần thoại Hy Lạp)	Prô-mê-tê (văn bản kịch)
	Sự phát triển các tình tiết	Các tình tiết truyện phát triển dựa trên chuỗi hành động của nhân vật theo trình tự thời gian	Xung đột kịch được đẩy đến cao trào theo những đấu tranh nội tâm của chính nhân vật.
	3. Tìm hiểu nhân vật		
	Các yếu tố đối sánh	Prô-mê-tê (thần thoại Hy Lạp)	Prô-mê-tê (văn bản kịch)
	Nhân vật	Là một vị thần (trong thần thoại) tạo ra thế giới loài người và văn minh loài người. - Qua các yếu tố kì ảo, nhân vật hiện lên với hình dáng, hành động, lời nói, tính cách: + Hành động của thần: ++ Tái tạo cho con người một thân hình đẹp để thanh tao hơn các con	Là một vị thần (trong vở bi kịch) không chịu khuất phục trong cuộc đấu tranh vì con người. - Đặc điểm nhân vật thể hiện qua lời độc thoại và đối thoại, nhân vật được khắc họa rõ nét ở con người bên trong hơn là con người hành động bên ngoài: + Prô-mê-tê bị xiềng mang ý nghĩa rằng vị thần ân nhân của loài người không chịu

		vật. ++ Giúp con người đứng thẳng, đi bằng hai chân, đôi tay thành thoi để làm việc khác. ++ Lấy lửa của thần Mặt Trời châm vào ngọn đuốc đem xuống cho loài người. - Prô-mê-tê qua suy nghĩ của con người: + Truyền tụng về công lao vĩ đại của thần Prô-mê-tê khi đã ban cho họ ngọn lửa. - Bày tỏ sự cảm ơn, sự kính trọng, ca ngợi đối với Prô-mê-tê.	khuyết phục trước cường quyền, bạo lực, đã chịu đựng mọi cực hình tàn khốc mà thần Dớt trừng phạt. + Chàng rất yêu thương con người nên đã lấy cắp ngọn lửa thần mang xuống hạ giới, dạy loài người nhiều mưu mẹo để họ có linh hồn, có trí khôn. + Prô-mê-tê không biết cúi đầu trước bất kỳ một sức mạnh thù địch nào. Đây là hình tượng mang tính thẩm mỹ cao, kết hợp hài hòa giữa cái hùng, cái cao thượng và cái bi kịch.
	4. Tìm hiểu thông điệp		
	Các yếu tố đối sánh	Prô-mê-tê (thần thoại Hy Lạp)	Prô-mê-tê (văn bản kịch)
	Thông điệp	Prô-mê-tê và loài người đã lí giải về nguồn gốc và quá trình con người được tạo ra, sinh tồn. Qua đó ca ngợi tài năng và phẩm chất của vị thần Prô – mê –tê.	Khẳng định rằng cái thiện sẽ luôn thắng cái ác. Chỉ cần con người có ý chí niềm tin và hy vọng thì bạo tàn sẽ chỉ là sự thất bại trước sức mạnh của công lý mà thôi.

2.3. Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS hình thành kinh nghiệm tiếp cận nhân vật kịch.

b. Nội dung hoạt động:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV hỏi: Từ việc thực hành đọc văn bản <i>Prô-mê-tê bị xiềng</i>, em hãy nêu một số nhận xét về nhân vật kịch. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức bằng sơ đồ, tổng kết bài đọc.	III. Tổng kết <u>Nhân vật kịch:</u> * Nhân vật kịch là đầu mối của mọi xung đột: - Kịch vốn thể hiện mâu thuẫn, xung đột nên bao giờ cũng có nhiều nhân vật, nhiều tầng bậc khác nhau. - Nhân vật kịch thường rất nổi bật về tính cách và thường chia thành nhiều tuyến rõ rệt. Mâu thuẫn, xung đột kịch cũng chính là mâu thuẫn, xung đột của các tuyến nhân vật này. * Số phận nhân vật kịch: - Số phận nhân vật kịch có sự biến đổi nhanh chóng song hành với sự giải quyết xung đột theo 5 bước. * Cách xây dựng nhân vật kịch: - Nhân vật kịch thể hiện con người mình qua lời nói của chính mình (lời đối thoại hoặc độc thoại) hoặc của người khác. - Nhân vật kịch là nhân vật hành động, qua hành động nhân vật bộc lộ tính cách của mình.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150) về sức mạnh ý chí, nghị lực của con người.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS viết đoạn văn ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS trình bày kết quả bài làm vào tiết dạy chiều.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên hướng dẫn để HS thực hiện bài tập ở nhà.

- Gợi ý tham khảo:

+ Ý chí, nghị lực giúp con người đối chọi với khó khăn, vượt qua thử thách của cuộc sống một cách dễ dàng hơn.

+ Ý chí, nghị lực giúp con người có niềm tin vào bản thân, tinh thần lạc quan để theo đuổi đến cùng mục đích, lí tưởng sống.

+ Ý chí, nghị lực giúp con người thay đổi được hoàn cảnh số phận, cuộc sống có ích, có ý nghĩa hơn.

+ Ý chí, nghị lực giúp con người trở thành những tấm gương vượt lên số phận.

+ Người có ý chí, nghị lực sẽ luôn được mọi người ngưỡng mộ, cảm phục, đồng thời tạo được lòng tin ở người khác.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học thể hiện năng lực suy tư, đánh giá, cảm thụ, diễn xuất hoặc sáng tác.

b. Nội dung: HS lấy văn bản đã học làm chủ đề, lựa chọn hình thức nghệ thuật phù hợp, tự do bộc lộ năng lực cá nhân.

c. Sản phẩm: Theo năng lực của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS suy tư các tác phẩm nghệ thuật về Prô-mê-tê, sáng tác nhạc, hoa, thơ ca về Prô-mê-tê.

- Diễn lại vở kịch *Prô-mê-tê bị xiềng* của Êt-sin.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà (khuyến khích theo nhóm, thời gian sau 1 tuần) .

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm sau 1 tuần.

- HS khác quan sát, nhận xét sản phẩm của bạn/ nhóm bạn.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện các bài tập.

- Tìm đọc thêm các văn bản cùng chủ đề, đề tài.

- **Chuẩn bị bài: Viết:** Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.

- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

VIẾT

Tiết: 47,48

VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN, XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Quy trình viết

- Biết viết văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước.

Thực hành viết

- Viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

2. Phẩm chất

- Biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và biết vượt lên mọi trở ngại.

- Chăm đọc sách, siêng năng, thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá bài viết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS xem Clip, đặt câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem Clip: https://www.youtube.com/watch?v=4eEncPVMrMg	- HS lựa chọn vấn đề xã hội. - HS thể hiện quan điểm cá nhân.

- Học sinh quan sát và trả lời câu hỏi: Bài học nào trong Clip trên tác động tới em mạnh mẽ nhất? Vì sao? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh quan sát Clip, suy nghĩ câu hỏi. - GV động viên, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS xung phong trả lời câu hỏi. - HS khác quan sát, nghe và bổ sung ý kiến. Bước 4: Đánh giá kết luận - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài.	
---	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu:

- HS biết cách lựa chọn đề tài, hướng tiếp cận đề tài.
- HS hiểu được giá trị, tác dụng của các nguồn thông tin, các loại thông tin khác nhau để tìm kiếm, khai thác một cách hiệu quả.
- HS đánh giá được tính khả tín của các thông tin.
- HS xây dựng được đề cương nghiên cứu từ những thông tin mình đã thu thập.
- HS viết và chỉnh sửa báo cáo nghiên cứu theo đúng quy cách.

b. Nội dung hoạt động:

GV tổ chức cho học sinh thảo luận về những yêu cầu của một bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc mục yêu cầu trong SGK/142 và thảo luận về các vấn đề: Trong các yêu cầu được trình bày trong SGK, yêu cầu nào cho thấy tính đặc thù của kiểu bài viết mà em sắp thực hành rõ hơn cả? Đó là thách thức lớn nhất mà kiểu bài đặt ra cho em? Vì sao? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, thảo luận theo cặp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện 2 nhóm báo cáo, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài - Nêu được đề tài nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu được đặt ra trong báo cáo. - Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ, thông tin xác thực. - Biết thực hiện các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu, khai thác được các nguồn tham khảo đáng tin cậy. - Biết sử dụng các trích dẫn, cước chú, tài liệu tham khảo và các phương tiện hỗ trợ phù hợp, thể hiện sự minh bạch trong việc kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có.

2.2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS nắm được cấu trúc, các thao tác sử dụng, cách lựa chọn đề tài, phân tích và xử lý thông tin một báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

b. Nội dung hoạt động:

- HS đọc bài viết tham khảo tr 142-146 SGK.
- HS thảo luận nhóm tìm hiểu bài tham khảo sau khi đọc.

c. Sản phẩm:

- HS trả lời câu hỏi SGK.
- HS rút ra quy trình viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc bài viết tham khảo và nhắc các em chú ý các thể định hướng đọc. - GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi: + Đề tài của báo cáo nghiên cứu ở trên là gì? Tác giả đã tiếp cận đề tài từ góc độ nào? + Đề triển khai báo cáo, những luận điểm chính nào đã được tác giả sử dụng? + Các thông tin tác giả cung cấp trong bài viết đến từ nguồn nào? Bạn có nhận xét gì về độ chính xác, tin cậy, khách quan của các thông tin? + Tài liệu tham khảo có những thông tin gì và được sắp xếp theo trật tự nào?	II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo Bài viết tham khảo: <i>Rồng thành bậc điện Kính Thiên và kiểu thức phương Nam - Trần Hậu Yên Thế</i> 1. Đề tài: Giao thoa và tiếp biến văn hóa – nhìn từ kiến trúc rồng thành bậc điện Kính Thiên. 2. Góc độ tiếp cận: Góc độ văn hóa. 3. Những luận điểm triển khai - Rồng châu thành bậc ở điện Kính Thiên là một hạng mục trang trí kiến trúc. - Mĩ thuật Trung Hoa với những bức tranh hay phù điêu rồng cực lớn. 4. Nguồn tài liệu tham khảo - Các thông tin tác giả cung cấp trong bài viết đến từ các nguồn: + Luận án tiến sĩ: Các nguồn sử liệu về quy mô và cấu trúc Hoàng thành Thăng Long thời Lý – Trần – Lê. + Tạp chí văn hóa học: Từ góc nhìn tứ linh khám phá tâm thức văn hóa rồng của người Việt và người Hán. + Sách: Hoàng thành Thăng Long. - Những thông tin này có độ chính xác cao, có tính tin cậy và khách quan.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tham khảo. - HS trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS chia sẻ câu trả lời. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. - HS có thể học tập kĩ năng diễn đạt và trình bày ở bài viết tham khảo để	5. Thông tin và trật tự sắp xếp của tài liệu tham khảo - Tài liệu tham khảo chứa những thông tin: Tác giả, năm công bố, tên tác phẩm, tên tạp chí, luận án hoặc tên sách, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản, tập, số, các số trang.

viết kiểu bài nghị luận tương tự.

- Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo trật tự: ABC họ tên tác giả của tài liệu.

3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

a. Mục tiêu:

- HS nắm được các bước chuẩn bị viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.
- HS thực hành viết bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội đúng quy trình.

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Nhiệm vụ 1: Lựa chọn đề tài và đặt câu hỏi nghiên cứu Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xác định các vùng đề tài, hướng nghiên cứu và đặt câu hỏi nghiên cứu. - HS có thể hoàn thành bảng Phụ lục 1 (cá nhân hoặc nhóm theo sự lựa chọn đề tài). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân hoặc thảo luận nhóm, chủ động nêu thắc mắc về sự lựa chọn đề tài. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS chia sẻ đề tài lựa chọn và hướng nghiên cứu. - HS khác lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét phân trình bày của HS * Nhiệm vụ 2: Thu thập, phân tích, đánh giá thông tin Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS có thể được giao nhiệm vụ ở nhà – thu thập, phân tích và đánh giá thông tin về một vấn đề mà mình có quan tâm hoặc hứng thú. - GV hướng dẫn cách thu thập, phân tích, đánh giá thông tin (phân tích và đánh giá chính những thông tin mà HS đã thu thập được ở nhà). - GV giao nhiệm vụ về nhà hoặc nhiệm vụ làm việc nhóm cho HS tiếp tục thu thập, phân tích và đánh giá thông tin về đề tài mà	III. Thực hành viết theo các bước Bước 1: Lựa chọn đề tài và đặt câu hỏi nghiên cứu Một số đề tài gợi ý: - Thân phận của người nông dân thời thuộc Pháp (<i>Chí Phèo</i> – Nam Cao) - Thiết chế làng xã Việt Nam thời thuộc Pháp (<i>Chí Phèo</i> – Nam Cao) - Lí tưởng sống của người trẻ (<i>Sống, hay không sống</i> – đó là vấn đề, Trích <i>Hăm-let</i> – Sêchxpia) - Lựa chọn của con người trong cuộc sống (<i>Sống, hay không sống</i> – đó là vấn đề, Trích <i>Hăm-let</i> – Sêchxpia) - Thể hiện bản thân như thế nào trước cuộc đời (<i>Sống, hay không sống</i> – đó là vấn đề, Trích <i>Hăm-let</i> – Sêchxpia) - Mối quan hệ giữa nghệ sĩ và thời cuộc (<i>Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài</i>, Trích <i>Vũ Như Tô</i>, Nguyễn Huy Tưởng) - Cá nhân và lịch sử (<i>Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài</i>, Trích <i>Vũ Như Tô</i>, Nguyễn Huy Tưởng) - Kinh thành Thăng Long thời Hậu Lê (<i>Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài</i>, Trích <i>Vũ Như Tô</i>, Nguyễn Huy Tưởng)... => Đề tài lựa chọn nghiên cứu tham khảo: Cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội Bước 2: Thu thập, phân tích, đánh giá thông tin

cả nhóm đã chọn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận để thực hành phân tích, đánh giá các thông tin

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ lại với cả lớp quá trình tìm kiếm thông tin của cá nhân hoặc nhóm mình, những kinh nghiệm tự đúc rút được qua quá trình thu thập, tìm kiếm, phân tích, đánh giá thông tin.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, góp ý phần sản phẩm của HS.

*** Nhiệm vụ 3: Xây dựng đề cương**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS tự làm việc nhóm để xây dựng đề cương nghiên cứu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận nhóm để hoàn thiện đề cương nghiên cứu của nhóm mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS chia sẻ lại với cả lớp bản đề cương của nhóm.

- HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét đánh giá, bổ sung, hoàn chỉnh đề cương (Tham khảo Phụ lục 2).

*** Nhiệm vụ 4: Viết**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao cho các nhóm HS tự làm việc ở nhà, dựa trên các hướng dẫn trong SGK.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS viết bài.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

2-3 HS chia sẻ bài viết của mình. HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận, trả bài

GV nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài (Tham khảo Phụ lục 3)

*** Nhiệm vụ 5: Chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Đề tài lựa chọn tham khảo: Cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội

1. Nguyễn Thị Phương Châm (2013), “Internet: Không gian mới cho đa chiều kết nối và thể hiện của giới trẻ hiện nay”, *Văn hoá dân gian*, 2 (146), tr. 62-71.

2. Bùi Thế Duy (2015), *Tác động của công nghệ thông tin - truyền thông đến đạo đức, lối sống của thanh thiếu niên trong giai đoạn hiện nay*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, Hà Nội.

3. Nguyễn Thị Hậu (chủ biên) (2010), *Mạng xã hội với giới trẻ Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Tp. HCM.

4. Từ Thị Loan (2012-2013), *Tác động của các loại hình giải trí thông qua các phương tiện truyền thông mới đến lối sống của con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội.

5. Bùi Hoài Sơn (2006), *Ảnh hưởng của Internet đối với thanh niên Hà Nội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Bước 3: Xây dựng đề cương

- **Đặt vấn đề:** Nêu rõ đề tài và vấn đề nghiên cứu.

- **Giải quyết vấn đề:** Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận điểm, có các dữ liệu, bằng chứng.

- **Kết luận:** Khẳng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp cận mới.

- **Tài liệu tham khảo:** Ghi rõ tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố.

Đề cương tham khảo cho đề tài: Cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội (Phụ lục 2).

Bước 4: Viết

- Tuân thủ các quy định về hình thức trình

- GV giao cho các nhóm HS tự thảo luận, trao đổi để chỉnh sửa và hoàn thiện bài viết. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS, nhóm HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV khuyến khích HS công bố báo cáo nghiên cứu trên tạp chí của lớp, trường, một số cuộc thi như Nghiên cứu khoa học Intel Isef, các diễn đàn khoa học cho HS,... Bước 4: Đánh giá, kết luận, trả bài GV trả bài cho HS, yêu cầu các em sửa chữa theo bảng kiểm Phụ lục 4 (Việc sửa chữa có thể tiến hành theo hình thức trao đổi nhóm).	bày của một báo cáo nghiên cứu. - Thể hiện rõ các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; có trích dẫn, cước chú, tài liệu tham khảo và các phương tiện hỗ trợ phù hợp. Bài viết tham khảo cho đề tài: Cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội (Phụ lục 3) Bước 5: Chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết (Bảng kiểm - Phụ lục 4)
--	---

Phụ lục 1. Bảng định hướng lựa chọn và đề tài nghiên cứu

Tiêu chí tiếp cận vấn đề	Kết quả			
Vấn đề bạn quan tâm, hứng thú và muốn tìm hiểu sâu				
Góc độ tiếp cận vấn đề (HS chọn góc độ)	Góc độ lịch sử	Góc độ khoa học	Góc độ nghệ thuật	Góc độ liên ngành...
Các câu hỏi (Trên từng góc độ)				

VD 1: Thiết chế làng xã Việt Nam thời thuộc Pháp

Tiêu chí tiếp cận vấn đề	Kết quả
Vấn đề bạn quan tâm, hứng thú và muốn tìm hiểu sâu	Thiết chế làng xã Việt Nam thời thuộc Pháp.
Góc độ tiếp cận vấn đề (HS chọn góc độ)	Góc độ địa lí.
Các câu hỏi (Trên từng góc độ tương ứng)	- Dân số cư trú trong các làng xã là bao nhiêu? - Mật độ dân số cụ thể như thế nào? - Các làng xã phân bố ra sao trên lãnh thổ Việt Nam...

VD 2: Nỗi cô đơn của giới trẻ

Tiêu chí tiếp cận vấn đề	Kết quả	
Vấn đề bạn quan tâm, hứng thú và muốn tìm hiểu sâu	Nỗi cô đơn của giới trẻ	
Góc độ tiếp cận vấn đề (HS chọn góc độ)	Góc độ tâm lí	Góc độ xã hội học
Các câu hỏi (Trên từng góc độ)	- Vì sao con người cảm thấy cô đơn? - Cơ chế tâm lí học của cảm xúc cô đơn là gì? - Cảm giác về sự cô đơn có tác	- Cô đơn có phải là hiện tượng phổ biến trong giới trẻ ngày nay hay không? - Vì sao trong một thế giới của kết nối công nghệ, giới

	động như thế nào đến cơ thể và hành vi của con người? - Làm thế nào để vượt qua cảm giác cô đơn và biến cô đơn thành một động lực sáng tạo?	trẻ lại cảm thấy cô đơn? - Cảm giác về sự cô đơn ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống của mỗi cá nhân và xã hội?
--	--	--

VD 3: Cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội

Tiêu chí tiếp cận vấn đề	Kết quả	
Vấn đề bạn quan tâm, hứng thú và muốn tìm hiểu sâu	Cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội	
Góc độ tiếp cận vấn đề (HS chọn góc độ)	Góc độ tâm lí	Góc độ xã hội học
Các câu hỏi (Trên từng góc độ)	- Vì sao giới trẻ hiện nay muốn thể hiện bản thân trên mạng xã hội? - Cơ chế tâm lí học của việc muốn thể hiện bản thân trên mạng xã hội? - Việc muốn thể hiện bản thân trên mạng xã hội có tác động như thế nào đến người trẻ? - Người trẻ cần chuẩn bị tâm lí gì trước những tác động từ mạng xã hội sau khi đã thể hiện được bản thân?	- Muốn thể hiện bản thân trên mạng xã hội có phải là hiện tượng phổ biến trong giới trẻ ngày nay hay không? - Vì sao sống trong thế giới thực mà người trẻ lại muốn thể hiện bản thân trên thế giới ảo? - Ảnh hưởng của xã hội tới cuộc sống người trẻ sau khi thể hiện bản thân trên mạng xã hội?

Phụ lục 2. Đề cương tham khảo cho đề tài: Cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội

* **Đặt vấn đề:** Giới thiệu khái quát vấn đề và quan điểm của người viết.

* **Giải quyết vấn đề:** Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận điểm rõ ràng, mạch lạc, có các dữ liệu, bằng chứng chính xác, tiêu biểu.

- **LĐ 1:** Thể hiện bản thân - nhu cầu tâm lý tự nhiên của giới trẻ.

- **LĐ 2:** Mạng xã hội - môi trường lý tưởng để giới trẻ thể hiện bản thân.

+ Sự an toàn.

+ Nhu cầu tình cảm.

+ Lòng tự trọng.

+ Khẳng định bản thân.

- **LĐ 3:** Các hình thức thể hiện bản thân của giới trẻ trên mạng xã hội.

- **LĐ 4:** Tác động thực sự của mạng xã hội đến những người trẻ.

+ Tích cực.

+ Tiêu cực.

- **LĐ 5:** Người trẻ cần chuẩn bị tâm lí gì trước những tác động của thế giới mạng, trước những hình thức thể hiện bản thân.

* **Kết thúc vấn đề:** Tổng hợp lại vấn đề nghiên cứu và đánh giá tầm quan trọng của vấn đề trong nghiên cứu, gợi mở những hướng tiếp cận mới (khẳng định đóng góp của bản báo cáo).

* **Tài liệu tham khảo:** Sắp xếp tên tài liệu hoặc tên tác giả theo trình tự hợp lí; có xuất xứ rõ ràng.

Phụ lục 3. Bài viết tham khảo cho đề tài: Cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội

Hiện nay thế giới có hàng trăm MXH khác nhau, trong đó phổ biến nhất là Facebook, YouTube, Instagram, Twitter, MySpace... Mỗi MXH đều có thành công nhất định dựa trên sự phù hợp về các yếu tố yếu tố: địa lý, chính trị, văn hóa... của từng khu vực, từng quốc gia hay vùng/miền, và tại Việt Nam cũng đã xuất hiện rất nhiều các MXH “nội địa” như: ZingMe, Zalo, Gov.vn, YuMe, Tamtay... với nỗ lực cố gắng liên kết người dùng bằng những đặc điểm của địa phương cũng như thể hiện sâu sắc văn hóa Việt Nam. Trên không gian mạng MXH rất tự do và cởi mở, thanh, thiếu niên đang ngày càng có nhu cầu, mong muốn thể hiện bản sắc cá nhân như một sự thể hiện bản thân, gây chú ý hay đơn giản chỉ là sự giải trí.

Thể hiện bản thân - nhu cầu tâm lý tự nhiên của giới trẻ.

Ngay từ năm 1943, nhà tâm lý học Abraham Maslow đã đưa ra Tháp nhu cầu (Maslow's hierarchy of needs) với 5 tầng sắp xếp theo thứ tự tăng dần từ “những nhu cầu cơ bản” cho đến “những nhu cầu bậc cao”, trong đó tầng thứ năm là nhu cầu về tự thể hiện bản thân (self-actualization) - muốn sáng tạo, được thể hiện khả năng, thể hiện bản thân, trình diễn mình, có được và được công nhận là thành đạt. Như vậy, thể hiện bản thân là một trong những nhu cầu tâm lý tự nhiên của con người. Theo các chuyên gia tâm lý, độ tuổi từ 13 đến 18 tuổi là thời gian chuyển tiếp từ thiếu nhi, thiếu niên sang người trưởng thành. Các bạn trẻ ở lứa tuổi này vẫn chưa có sự chín chắn hoàn toàn song có cái tôi rất lớn và họ muốn được mọi người công nhận mình là người lớn, thể hiện mình để chứng tỏ giá trị của bản thân hay đơn giản chỉ để bộc lộ cá tính. Họ có xu hướng muốn bộc lộ cái tôi ra ngoài, muốn làm những điều mình thích, mình cho là đúng và muốn xã hội công nhận nó đúng, thậm chí muốn thay đổi những chuẩn mực đã được định hình.

Mạng xã hội đã trở thành môi trường lý tưởng để giới trẻ thể hiện bản thân.

Thực tế, MXH là một công cụ mới xuất hiện trong khoảng hơn chục năm nay song đã và đang thu hút một số lượng lớn người dùng, trở thành một trào lưu trên khắp thế giới và hiện vẫn chưa có dấu hiệu “hạ nhiệt”. Đây là những trang web tồn tại trên Internet và khi các bạn trẻ đăng ký là thành viên, họ sẽ có một khu vực riêng mà ở đó, họ có thể tự do đăng tải tất cả những suy nghĩ, thông điệp, hình ảnh, video hoặc các đoạn ghi âm ngắn... Cũng thông qua các trang web đó, giới trẻ có thể kết nối với những người khác cùng là thành viên. MXH đã trở thành môi trường lý tưởng để giới trẻ tự giới thiệu mình, chia sẻ và tiếp nhận suy nghĩ, cảm xúc... của bản thân với những người khác và ngược lại theo cách tự do, thoải mái nhất trong các môi trường như trường học, cơ quan và trong cả cuộc sống thường ngày.

Sự thay đổi liên tục trong xã hội ngày nay và đặc biệt là sự phát triển, phổ biến của công nghệ với các thiết bị thông minh như: điện thoại di động, máy tính bảng, máy tính cá nhân... cùng sự hiện diện của các trang MXH trong cuộc sống con người, những nhu cầu của giới trẻ cũng theo đó mà trở nên khác biệt. Một bạn trẻ - blogger có tên Val đã từng đề xuất một sơ đồ hình tháp mới rất thú vị có liên quan đến các trang MXH, qua đó thể hiện vai trò của các trang MXH đối với đời sống giới trẻ cũng như nhu cầu thể hiện bản thân của họ hiện nay như thế nào:

- + Sự an toàn - LinkedIn : nơi bạn có thể tìm thấy công việc và các mối quan hệ mà có khả năng dẫn đến sự thành công trong sự nghiệp.

- + Nhu cầu tình cảm - Facebook, Google : nơi bạn tạo và nối lại các mối quan hệ của mình, bao gồm cả người quen, bạn bè, người yêu hay gia đình.

- + Lòng tự trọng - Twitter: nơi bạn chia sẻ những kinh nghiệm và thành tích để tăng sự tự tin và giành được sự tôn trọng từ người khác.

- + Khẳng định bản thân - Tumblr, Blogspot, Wikipedia: nơi bạn chia sẻ kiến thức, sở thích, sự sáng tạo và những suy nghĩ sâu xa.

Có thể nói, với những tiện ích của mình, MXH đã và đang tác động đến giới trẻ, khiến họ có những thay đổi nhanh chóng và rõ rệt trong cách thức bộc lộ bản sắc cá nhân. Thể thiện bản thân - như một nhu cầu tất yếu của con người vốn bị nhiều hạn chế ở vào thời điểm trước khi MXH ra đời khi họ chỉ có thể biểu đạt bản thân từ quan điểm, cảm xúc, suy nghĩ đến những năng lực/khả năng cá nhân của mình một cách trực tiếp người với người hoặc gián tiếp thông qua các phương tiện truyền thông truyền thống như báo giấy, phát thanh, truyền hình. Song dường như mọi thứ đã thay đổi kể từ khi MXH xuất hiện. Trước hết, về những nội dung/thông tin được giới trẻ chia sẻ trên MXH, đó là khi thanh, thiếu niên sử dụng phối hợp các công cụ, tiện ích khác nhau của MXH để thông qua đó thể hiện bản thân. Họ có thể sử dụng nhiều hình thức như: các bài viết, thông tin/hoạt động liên quan đến cuộc sống hằng ngày, hình ảnh, kết quả công việc - học tập, thông tin được sưu tầm, trích dẫn từ nguồn tài liệu nào đó... để đưa lên/chia sẻ trên MXH.

Với mục đích cao nhất là thể hiện bản thân mình (bộc lộ tính cách/cá tính/bản sắc...) với cộng đồng mạng ở lứa tuổi đang muốn khẳng định “cái tôi”, một bộ phận thanh, thiếu niên dường như ít quan tâm đến sự đánh giá của người khác về những gì mà họ chia sẻ trên MXH. Chính vì vậy nhiều bạn trẻ đang có xu hướng thái quá khi dùng những cách thức/chiêu trò mà họ cho rằng “khác biệt” hay “độc đáo” để thể hiện bản sắc cá nhân/cái tôi nổi trội trong cộng đồng mạng, để tạo sự nổi tiếng (dựa vào lượt người theo dõi và bấm nút “like”) gây nên sự phản cảm đối với cộng đồng mạng. Bên cạnh đó, không ít người đang dành khá nhiều thời gian đầu tư cho việc thể hiện bề ngoài/hình thức của mình trên mạng mà họ không biết rằng những hiệu ứng mang lại đa phần chỉ có tính chất ảo khi những lượt “like” hay bình luận không thể phản ánh đúng hoàn toàn bản chất của sự việc hay nội dung mà họ đang chia sẻ.

“Các bạn trẻ nên chứng minh khả năng của mình trong thực tế, nếu mình chứng tỏ được khả năng của mình trong học tập hay công việc thì người khác sẽ tự biết đến chứ không nhất thiết phải “đưa” mình lên trên MXH một cách quá đà” (Nữ, 22 tuổi, Hà Nội).

“... Dường như các bạn trẻ đang tốn nhiều công sức và thời gian hơn để đầu tư cho việc thể hiện bản thân mình trên MXH. Có nhiều bạn trẻ đã đầu tư thời gian, tiền bạc để chụp những bộ ảnh với mục đích cuối cùng cũng chỉ để nhận được những bức ảnh đôi khi “chẳng giống ai” và ngồi ngóng các lượt “like”. Bản thân em cũng quen những người bạn nữ rất xinh xắn và biết rằng các bạn ấy có thể đầu tư cả tiếng đồng hồ, dù nắng hay mưa để chụp hình và chỉnh sửa ảnh trước khi đăng lên trên MXH. Và chúng em vẫn hay nói đùa nhau rằng: phía sau mỗi bức ảnh là cả một câu chuyện. Những hiện tượng như thế đã trở thành xu thế chung của các bạn trẻ hiện nay”. (Nam, 23 tuổi, Hà Nội).

Ngoài ra, mức độ về nhu cầu thể hiện bản thân với nhiều người trong cộng đồng mạng của người dùng còn được biểu hiện thông qua sự lựa chọn chế độ khi chia sẻ những dòng trạng thái, hình ảnh hay video.

Đa phần những status/hình ảnh/video của nhóm thanh, thiếu niên được hỏi thường chia sẻ ở chế độ công khai khi chiếm tỷ lệ cao nhất (56.5%); bộ phận giới trẻ chia sẻ những status/hình ảnh/video của mình ở chế độ chỉ bạn bè biết chiếm tỷ lệ thấp hơn (31.5%); và đặc biệt là nhóm bạn trẻ thường chia sẻ các chế độ “kín” - trong phạm vi gia đình, bạn bè của bạn bè, chỉ mình tôi... chỉ chiếm tỷ lệ rất thấp. Mức độ chia sẻ thông tin cá nhân lên MXH của giới trẻ hiện nay cho thấy họ đang tỏ ra khá thoải mái. Chẳng hạn, mặc dù nhiều bạn trẻ chia sẻ rằng họ không thể hiện hoàn toàn tính cách thật của mình trên không gian mạng nhưng thực tế đại đa số lại đang sử dụng tên họ thật trên MXH, hay khi khai báo thông tin của bản thân trên MXH, chiếm tỷ lệ cao nhất là nhóm thanh, thiếu niên để chính xác những mục thông tin quan trọng như: giới tính (80.8%), tên (78.3%), ngày tháng năm sinh (69.7%); có tỷ lệ cao tiếp theo là các thông tin về nghề nghiệp (31.2%), địa chỉ và số điện thoại (32.0%). Đây là những dấu hiệu thay đổi đáng chú ý bởi tính cách người Việt Nam vốn khá thận trọng và dè dặt trong việc bộc lộ/chia sẻ bản thân trong các mối quan hệ giao tiếp, nhất là khi đây lại là những mối quan hệ mang tính ảo trên không gian trực tuyến. Nhu cầu thể hiện tính cách, cá tính trên MXH của giới trẻ đang có xu hướng ngày càng tăng cao. MXH đã và đang là không gian lý tưởng để các bạn trẻ bộc lộ bản thân với nhiều nét tính cách và dưới nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt khi tính chất “ảo” của MXH đã cho phép họ sử dụng nhiều tài khoản, tương tác với nhiều đối tượng tạo ra không gian rộng mở đa chiều cho việc xây dựng hình ảnh hay bản sắc cá nhân. Song, có một vấn đề đang đặt ra là, thay vì nằm ở vị trí là công cụ “hỗ trợ” mỗi cá nhân thể hiện năng lực hay bản sắc, việc thể hiện bản thân trên MXH có vẻ đang là hoạt động chiếm lĩnh cuộc sống của nhiều bạn trẻ như một thứ tất yếu mà nếu thiếu vắng nó hằng ngày thì họ sẽ cảm thấy buồn tẻ, thậm chí bứt rứt khó chịu, không thể tập trung vào các công việc khác. Cho dù không gian MXH được coi là “ảo” đi chăng nữa thì mỗi bạn trẻ khi tham gia vào thế giới mạng đều mong muốn xác định được vị trí riêng của mình, thể hiện mình là ai, tính cách và sở thích như thế nào, muốn người khác nhìn thấy hình ảnh mình ra sao... Và nghiêm nhiên khi đó, MXH đã trở thành “bộ mặt ảo” của mỗi người, ở đó nó có khả năng chi phối, ảnh hưởng đến cách mỗi cá nhân nhìn nhận về bản thân cũng như về những người xung quanh.

*** Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Thị Phương Châm (2013), “Internet: Không gian mới cho đa chiều kết nối và thể hiện của giới trẻ hiện nay”, *Văn hoá dân gian*, 2 (146), tr. 62-71.

2. Bùi Thế Duy (2015), *Tác động của công nghệ thông tin - truyền thông đến đạo đức, lối sống của thanh thiếu niên trong giai đoạn hiện nay*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Hậu (chủ biên) (2010), *Mạng xã hội với giới trẻ Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Tp. HCM.
4. Từ Thị Loan (2012-2013), *Tác động của các loại hình giải trí thông qua các phương tiện truyền thông mới đến lối sống của con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
5. Bùi Hoài Sơn (2006), *Ảnh hưởng của Internet đối với thanh niên Hà Nội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Phụ lục 4. Bảng kiểm đánh giá, chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết

STT	Tiêu chí	Kết quả	
		Đạt	Không đạt
1	Bố cục phù hợp với một báo cáo nghiên cứu, gồm các phần: đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, kết luận, tài liệu tham khảo.		
2	Các thông tin tham khảo có nguồn gốc rõ ràng, đáng tin cậy.		
3	Các luận điểm, bằng chứng rõ ràng, chặt chẽ.		
4	Bài viết đảm bảo tuân thủ các quy định về chính tả; không mắc lỗi dùng từ, đặt câu (ngữ pháp).		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được thông điệp trong tác phẩm văn học bất kì.
- Lựa chọn được vấn đề xã hội gợi ra từ một tác phẩm văn học và chọn được góc nhìn hợp lý về vấn đề đó.
- Thu thập thông tin về vấn đề xã hội đó.
- Lập đề cương và viết báo cáo nghiên cứu về vấn đề xã hội đã chọn.

b. Nội dung: Lựa chọn và viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề xã hội gợi ra từ một tác phẩm văn học.

c. Sản phẩm: Bài viết nghiên cứu báo cáo của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Nhiệm vụ: Lựa chọn và viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề xã hội gợi ra từ tác phẩm *Vợ nhặt* của nhà văn Kim Lân.
- GV gợi ý một số vấn đề xã hội:
 - + Nạn đói 1945.
 - + Số phận con người trước 1945.
 - + Tinh thần con người Việt Nam.
 - + Ánh sáng Cách mạng 1945.
 - + Sức mạnh những người nông dân Việt Nam...
- Giáo viên nêu rõ thời gian thực hiện, hình thức nộp bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS viết bài ở nhà (Cá nhân hoặc nhóm)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ bài viết của mình lên nhóm lớp.
- GV khuyến khích HS công bố báo cáo nghiên cứu trên tạp chí của lớp, trường, một số cuộc thi như: Nghiên cứu khoa học Intel Isef, các diễn đàn khoa học cho HS,...
- HS khác nhận xét, góp ý bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá sản phẩm theo Bảng kiểm (đã có ở hoạt động thực hành)

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu (Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

NÓI VÀ NGHE

Tiết: 49,50

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU (Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói: Trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm; biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng và hấp dẫn.

Nghe: Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói. Nêu được nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình. Biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.

Nói nghe tương tác: Biết trình bày báo cáo nghiên cứu về một vấn đề phù hợp với lứa tuổi; tranh luận một cách hiệu quả và có văn hoá.

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề trong bài thuyết trình.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS tham gia chương trình VTV24/7, MC đặt câu hỏi, HS chia sẻ những vấn đề cuộc sống đáng quan tâm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tham gia chương trình VTV24/7. - GV lựa chọn MC và 4 khách mời trao đổi về những vấn đề xã hội đáng quan tâm trong thời gian gần mà HS biết hoặc thực sự đề tâm và tìm hiểu. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS tham gia chương trình để thực hiện nhiệm vụ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - HS trình bày sự quan tâm đến các vấn đề xã hội qua phần thảo luận khi tham gia chương trình. - HS khác lắng nghe, đặt câu hỏi,... Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới.	HS chia sẻ về những vấn đề xã hội đáng quan tâm trong thời gian gần mà HS biết hoặc thực sự đề tâm và tìm hiểu (Theo sự dẫn dắt của MC và các khách mời)

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu và quy trình trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu (Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ).

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu (Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ).

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình đúng yêu cầu và quy trình.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ (đã được chuẩn bị ở nhà) Nhiệm vụ 1: HS cần chuẩn bị bài nói bằng cách hoàn chỉnh phiếu học tập Bảng tìm hiểu đề tài nghiên cứu (Phụ lục 1) Nhiệm vụ 2: HS chuẩn bị nói cho bài báo cáo về đề tài nghiên cứu mình đã lựa chọn (có thể sử dụng đề tài trong phần viết ở tiết trước) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Nhiệm vụ 1: HS thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu Nhiệm vụ 2: HS thực hiện thảo luận theo nhóm chọn đề tài Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu	I. Chuẩn bị nói 1. Các bước chuẩn bị - Tìm hiểu về người nghe và bối cảnh giao tiếp: + Bối cảnh: Hội thảo dành cho đối tượng học sinh, một diễn đàn chuyên môn, buổi thuyết trình về một dự án,... + Người nghe: Học sinh, nhà tài trợ hoặc hội đồng chuyên môn. - Xác định mục đích giao tiếp: + Chia sẻ ý tưởng. + Thu hút dự án. + Thông báo kết quả nghiên cứu. - Xác định những nội dung chính cần trình bày: + Tên đề tài. + Lí do chọn đề tài. + Những luận điểm chính. - Xác định các hình thức, phương tiện trình bày phù hợp: + Phương tiện ngôn ngữ. + Phương tiện phi ngôn ngữ. ++ Các dạng phương tiện phi ngôn ngữ: ngôn ngữ cơ thể, các hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ, đồ họa, bảng biểu,... ++ Các yêu cầu đối với phương tiện phi ngôn ngữ: Tối giản, trực quan hóa, ấn tượng. 2. Chuẩn bị cho bài nói: Báo cáo nghiên cứu về cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội. - Tìm hiểu về người nghe và bối cảnh giao tiếp: + Bối cảnh: Hội thảo dành cho đối tượng học sinh. + Người nghe: Học sinh. - Xác định mục đích giao tiếp: thông báo kết quả nghiên cứu. - Xác định những nội dung chính cần trình bày: + Tên đề tài: <i>Mạng xã hội và cách thức thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay.</i> + Lí do chọn đề tài: Gần gũi, thiết thực, là trải nghiệm của hầu hết giới trẻ hiện đại. + Những luận điểm chính: LĐ 1: Thể hiện bản thân - nhu cầu tâm lý tự nhiên của giới trẻ. LĐ 2: Mạng xã hội - môi trường lý tưởng để giới trẻ thể

	hiện bản thân. + Sự an toàn. + Lòng tự trọng. + Khẳng định bản thân. LĐ 3: Các hình thức thể hiện bản thân của giới trẻ trên mạng xã hội. LĐ 4: Tác động thực sự của mạng xã hội đến những người trẻ. + Tích cực. + Tiêu cực. LĐ 5: Người trẻ cần chuẩn bị tâm lí gì trước những tác động của thế giới mạng trước những hình thức thể hiện bản thân. - Xác định các hình thức, phương tiện trình bày phù hợp: + Phương tiện ngôn ngữ: ++ Lí lẽ. ++ Dẫn chứng. + Phương tiện phi ngôn ngữ: ++ Các dạng phương tiện phi ngôn ngữ: ngôn ngữ cơ thể, các hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ, đồ họa, bảng biểu,... ++ Các yêu cầu đối với phương tiện phi ngôn ngữ: Tối giản, trực quan hóa, ấn tượng. 3. Một số phương tiện phi ngôn ngữ có thể được sử dụng trong khi thuyết trình (Phụ lục 2) 4. Tài liệu tham khảo (Phụ lục 3)
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS xây dựng một bài thuyết trình theo quy trình và thực hành nói nghe.

b. Nội dung: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu (Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ) và trao đổi, đánh giá.

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Nhiệm vụ 1: Thực hành nói GV hướng dẫn HS tổ chức một hội thảo có thể tại lớp, tại trường, nơi HS có thể trình bày các kết quả nghiên cứu đã chuẩn bị của mình (có thể thay đổi cách sắp đặt không gian sao cho phù hợp với một hội thảo, tổ chức hội thảo với quy mô một khối hoặc toàn	II. Thực hành nói - Mở bài: Nêu tên, lí do chọn vấn đề nghiên cứu, các kết luận chính của báo cáo kết quả nghiên cứu. - Triển khai: Tóm tắt các luận điểm chính, lựa chọn một hoặc một vài phương tiện phi ngôn ngữ

trường).

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS thể hiện phần trình bày dưới dạng chương trình trò chơi *Tranh tài hùng biện* – các thí sinh trực tiếp tham gia thảo luận và phản biện.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS tự điều hành và trình bày báo cáo trong hội thảo, đón nhận phản hồi từ người nghe.
- Các HS khác lắng nghe, phản hồi về phần thể hiện của bạn, của nhóm bạn và thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn.
- Tự đánh giá về bài trình bày theo hướng dẫn.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét phần trình bày của các nhóm; nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của báo cáo kết quả nghiên cứu để HS rút kinh nghiệm.

Nhiệm vụ 2: Trao đổi, đánh giá

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Sau phần trình bày báo cáo của HS, GV hướng dẫn HS nhận xét, góp ý về phần trình bày báo cáo, tham khảo bảng đánh giá phần phụ lục 4.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ trên phiếu đánh giá.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

HS trình bày kết quả đánh giá.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV hướng dẫn HS thảo luận để đúc rút lại những kinh nghiệm từ thực tiễn. GV có thể yêu cầu những nhóm có phần trình bày tốt chia sẻ kinh nghiệm của mình, cũng có thể hướng dẫn HS thảo luận dựa trên các câu hỏi:

- + *Trước khi nói, cần chuẩn bị những gì để có thể trình bày một cách tự tin, thuyết phục?*
- + *Làm thế nào để giới thiệu vấn đề nghiên cứu và trình bày các luận điểm chính một cách ngắn gọn nhưng hiệu quả, ấn tượng?*
- + *Làm thế nào để sử dụng một cách hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ?*

để minh họa, nhấn mạnh thông tin chính cũng như thu hút sự chú ý của khán giả.

- **Kết luận:** Khái quát những kết quả nghiên cứu chính, gợi mở các hướng đi mới của đề tài, thể hiện một thái độ sẵn sàng đối thoại một cách chân thành, cởi mở.

III. Trao đổi, đánh giá

Người nói	Người nghe
- Lắng nghe, trả lời câu hỏi và phản hồi về những phản biện của người nghe.	- Đặt ra các câu hỏi để tìm hiểu sâu thêm về đề tài.
- Tự đánh giá, sửa chữa, hoàn thiện báo cáo kết quả nghiên cứu.	- Phản biện lại những nội dung vừa trình bày hoặc đưa ra một cách kiến giải khác, một nguồn thông tin khác về vấn đề.

PHỤ LỤC 1

Bảng tìm hiểu đề tài nghiên cứu

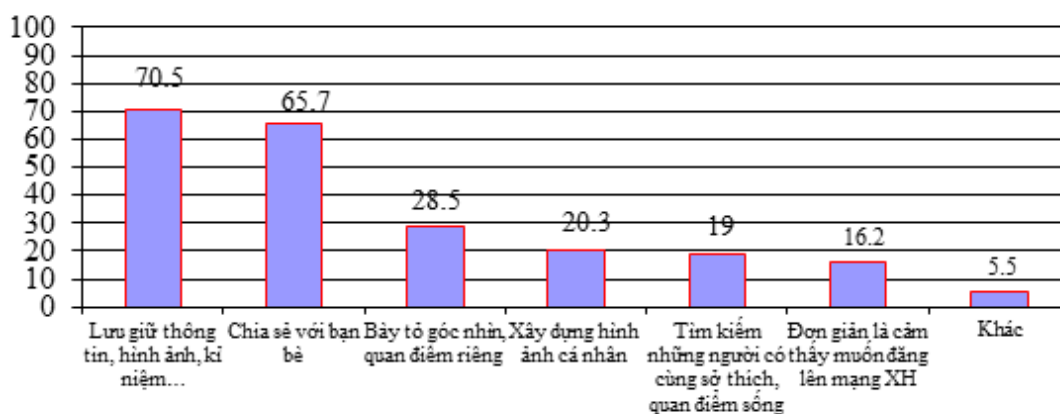
Các phương diện cần chuẩn bị	Kết quả nghiên
------------------------------	----------------

		cứu
Người nghe và bối cảnh giao tiếp		
Mục đích giao tiếp	Chia sẻ ý tưởng	
	Thu hút dự án	
	Thông báo kết quả nghiên cứu	
Những nội dung chính	Đề tài nghiên cứu	
	Lí do chọn đề tài	
	Những luận điểm chính	
Hình thức, phương tiện trình bày	Phương tiện ngôn ngữ	
	Phương tiện phi ngôn ngữ	

PHỤ LỤC 2

Một số phương tiện phi ngôn ngữ có thể được sử dụng trong khi thuyết trình

Biểu đồ 1:



Mục đích chính khi đăng tải thông tin lên MXH của thanh, thiếu niên (%)

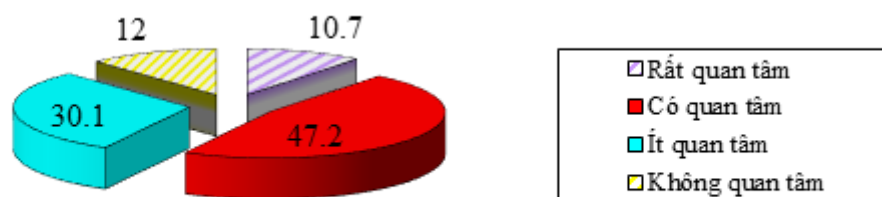
Bảng thống kê:

Stt	Nội dung	Không	Ít	Nhiều	Bình thường
1	Liên quan đến cuộc sống hàng ngày	22.0	35.0	12.3	30.7
2	Đăng tải hình ảnh của bạn	13.8	33.8	17.2	35.2
3	Những hình ảnh đẹp, thú vị khác	12.0	28.8	28.5	30.7

4	Thông tin mới, bổ ích	15.8	26.5	25.7	32.0
5	Link bài viết	26.7	37.0	14.0	22.3
6	Quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bạn về một vấn đề cụ thể	23.7	37.5	11.5	27.3

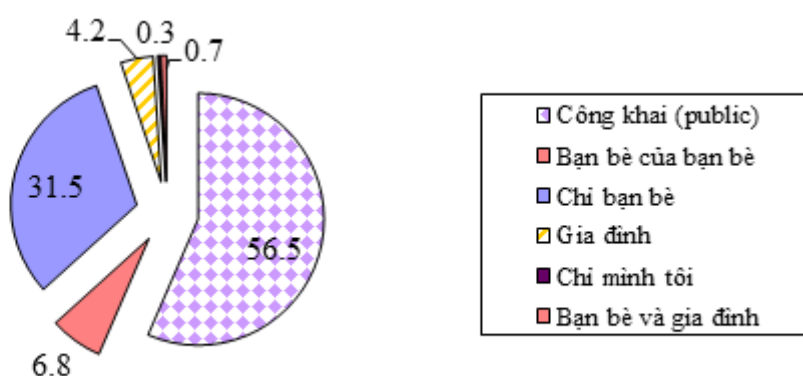
Biểu đồ 2:

Những vấn đề thanh, thiếu niên lựa chọn để đăng tải lên MXH (%)



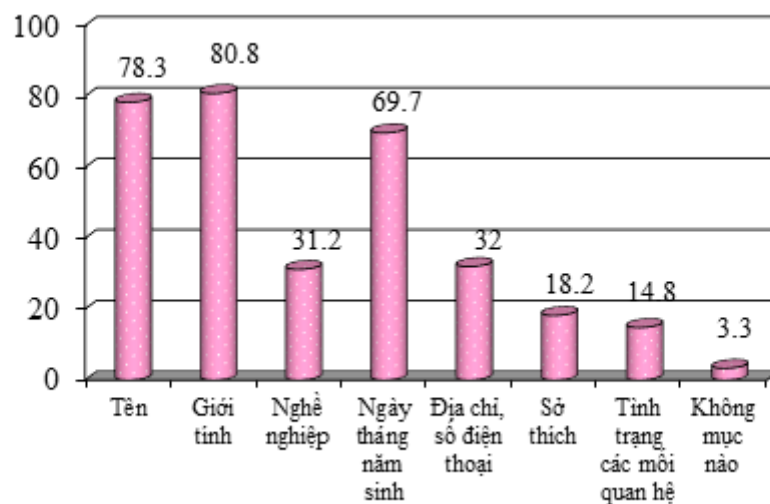
Mức độ quan tâm về sự đánh giá của người khác với những chia sẻ của mình trên MXH của thanh, thiếu niên (%)

Biểu đồ 3:



Chế độ chia sẻ những status/hình ảnh/video trên MXH của thanh, thiếu niên (%)

Biểu đồ 4:



Mức độ xác thực của các thông tin cá nhân khai báo trên MXH của thanh, thiếu niên (%)

PHỤ LỤC 3

* Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Phương Châm (2013), “Internet: Không gian mới cho đa chiều kết nối và thể hiện của giới trẻ hiện nay”, *Văn hoá dân gian*, 2 (146), tr. 62-71.
2. Bùi Thế Duy (2015), *Tác động của công nghệ thông tin - truyền thông đến đạo đức, lối sống của thanh thiếu niên trong giai đoạn hiện nay*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Hậu (chủ biên) (2010), *Mạng xã hội với giới trẻ Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Tp. HCM.
4. Từ Thị Loan (2012-2013), *Tác động của các loại hình giải trí thông qua các phương tiện truyền thông mới đến lối sống của con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
5. Bùi Hoài Sơn (2006), *Ảnh hưởng của Internet đối với thanh niên Hà Nội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

PHỤ LỤC 4

Bảng đánh giá bài trình bày báo cáo nghiên cứu

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được các vấn đề nghiên cứu, lí do chọn đề tài, những kết luận và phát hiện chính.		
2	Trình bày một cách rõ ràng, mạch lạc những luận điểm chính, các thông tin chi tiết để làm sáng tỏ luận điểm.		
3	Lựa chọn các hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ,... phù hợp để trực quan hoá, cụ thể hoá thông tin.		
4	Sử dụng ngôn ngữ cơ thể và ngữ điệu một cách hiệu quả.		
5	Lắng nghe và phản hồi tích cực với những câu hỏi, phản biện của người nghe.		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS lựa chọn được chủ đề và hình thành được những luận điểm để sẵn sàng trình bày hoặc phản biện.

b. Nội dung: Thành lập các nhóm tìm hiểu các vấn đề tự nhiên, xã hội.

c. Sản phẩm: Các số tiếp theo của chương trình *Tranh tài hùng biện*.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm có cùng sở thích tìm hiểu nghiên cứu các vấn đề tự nhiên xã hội.

- GV lựa chọn nhóm trưởng, hướng dẫn phân công HS tìm hiểu, thu thập thông tin và chuẩn bị nội dung nghiên cứu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV tổ chức buổi hội thảo trên lớp hoặc trong giờ hoạt động ngoại khóa.

- HS chuyển tài liệu lên trang <https://drive.google.com/drive>.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV tổng kết những kết quả chính mà cả lớp đã cùng đạt được, lưu ý những kĩ năng quan trọng khi thuyết trình đối với HS.

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (CẢ BÀI 5)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện ở nhà.

- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia lớp thành 5 nhóm thảo luận 5 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Tổng hợp những thông tin cơ bản về hai văn bản kịch đã học trong bài (*Sống hay không sống – đó là vấn đề*, *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*) theo gợi ý sau: tình huống, nhân vật, xung đột, thông điệp.

Câu 2. Tìm đọc các vở bi kịch; chỉ ra tình huống, nhân vật, xung đột và thông điệp chính trong các tác phẩm mà bạn đã đọc.

Câu 3. Tìm hiểu thêm về các nhân vật, sự kiện lịch sử được nhắc tới trong đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*. Yếu tố lịch sử đã được Nguyễn Huy Tưởng sử dụng như thế nào và có vai trò gì trong tác phẩm?

Câu 4. Thu thập, phân tích và đánh giá các thông tin về một trong số các vấn đề gợi ý sau:

- Nghệ thuật thời Phục hưng;
- Kiến trúc thành Thăng Long;
- Lịch sử Việt Nam thế kỉ XVI – XVII.

Câu 5. Xác định một đề tài nghiên cứu, xây dựng đề cương cho đề tài đó (dựa trên các thông tin đã tìm được) và trình bày đề cương nghiên cứu của bạn.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi ở nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện nhóm gửi kết quả vào nhóm lớp (Sau 1 tuần).

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI:

Câu 1. Tổng hợp thông tin cơ bản về hai văn bản kịch *Sống hay không sống – đó là vấn đề* và *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*:

Trả lời:

Các yếu tố kịch	<i>Sống hay không sống – đó là vấn đề</i>	<i>Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài</i>
Tình huống	Hăm-lét được báo mộng về cái chết của cha, chàng quyết định giả điên để tìm ra sự thật và báo thù cho cha.	Vua Lê Tương Dực lệnh Vũ Như Tô xây Cửu Trùng Đài gây nên sự oán hận trong lòng dân.
Nhân vật	Hăm-lét, Clo-di-út, Ô-phê-li-a, Pô-lô-ni-út,...	Vũ Như Tô, Đan Thiềm, Nguyễn Vũ,...
Xung đột	Xung đột về mặt nội tâm của nhân vật Hăm-lét, đó là sự mâu thuẫn giữa việc đấu tranh để bảo vệ chính mình trước hiện thực xấu xa hay cứ sống chịu đựng, sống với lý tưởng nhân văn.	Nhân dân, những người thợ xây đài >< tầng lớp vua chúa phong kiến, Vũ Như Tô >< những người thợ phu phen bị bắt bớ, phu dịch để xây Cửu Trùng Đài.
Thông điệp	Hãy giữ bản thân luôn tỉnh táo, sáng suốt để đưa ra những quyết định đúng đắn. Dù trước hoàn cảnh nào đi chăng nữa, dù bị vùi dập, dẫm đạp; con	Thông điệp về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, giữa lí tưởng nghệ thuật cao siêu và lợi ích của nhân dân.

	người vẫn phải giữ lấy lý trí và niềm tin của mình.	
--	---	--

Câu 2.

*** Tình huống, nhân vật, xung đột và thông điệp chính trong vở bi kịch: *Hồn Trương Ba da hàng thịt* – Lưu Quang Vũ:**

- **Tình huống:** Trương Ba là một người đôn hậu, chất phác nhưng khi chết Hồn Trương Ba lại phải trú ngụ trong xác anh hàng thịt, tạo nên cuộc đấu tranh gay gắt giữa phần hồn Trương Ba cao quý với những ham muốn bản năng của phần xác hàng thịt.

- **Bi kịch:**

+ Bi kịch tha hoá của nhân vật Trương Ba trong đoạn trích bắt đầu bằng lớp thứ nhất của cảnh 7, đó là màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Xác hàng thịt.

+ Bi kịch Hồn Trương Ba được đẩy lên tới đỉnh điểm, cao trào ở màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba với những người thân. Đó là bi kịch bị từ chối.

+ Bi kịch của nhân vật Hồn Trương Ba được kết thúc trong màn đối thoại với Đế Thích- Bi kịch “bên ngoài một đảng, bên trong một nẻo”.

- **Xung đột:** Xung đột giữa hồn Trương Ba và xác ông hàng thịt.

- **Thông điệp:**

+ Được sống làm người là rất quý giá song được sống đúng là mình, sống trọn vẹn giá trị mà mình vốn có và theo đuổi còn quý giá hơn. Sự sống chỉ có ý nghĩa khi con người được sống tự nhiên với sự hài hoà giữa thể xác và tâm hồn.

+ Con người phải luôn luôn biết đấu tranh với những nghịch cảnh, với chính bản thân, chống lại sự dung tục để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị tinh thần cao quý.

Câu 3.

*** Tìm hiểu thêm về các nhân vật, sự kiện lịch sử được nhắc tới trong đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*:**

- Nhân vật lịch sử: Vũ Như Tô, Lê Tương Dực, Trịnh Duy Sản,...

- Sự kiện lịch sử dưới thời phong kiến khoảng 1516 – 1517: Tháng 4 năm 1516, quân khởi nghĩa Trần Cảo nhân khi kinh thành rối loạn bèn tiến đánh Thăng Long. Cùng lúc đó, Nguyễn Hoàng Dụ đóng quân ở Bồ Đề, được tin Duy Sản giết vua, liền đem quân qua sông, đốt hết phố xá trong kinh thành. Hoàng Dụ còn cho bắt chém Vũ Như Tô rồi mang quân rút khỏi Thăng Long. Đài cũng bị đốt thành tro sau lần đó.

*** Vai trò, ý nghĩa của yếu tố lịch sử được Nguyễn Huy Tưởng sử dụng trong tác phẩm:**

Yếu tố lịch sử đã được Nguyễn Huy Tưởng đưa vào vở kịch một cách khéo léo, mặc dù viết về lịch sử, những vấn đề mà Nguyễn Huy Tưởng đặt ra trong các sáng tác của mình vẫn luôn luôn mới và làm thao thức người đương thời. Lấy đề tài lịch sử nhưng không nhằm mục đích làm sử mà qua đó, nhà văn xây dựng được bi kịch của một người nghệ sĩ giữa khát vọng và hiện thực xã hội.

Câu 4.

*** Thu thập, phân tích và đánh giá về: Nghệ thuật thời Phục hưng**

- Phục Hưng là một phong trào văn hóa bao gồm giai đoạn từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVII. Những thành tựu của phong trào văn hóa Phục Hưng đã mở ra một kỷ nguyên mới cho nền văn minh nhân loại.

- Thành tựu của phong trào văn hóa phục hưng:

+ Về hội họa và điêu khắc:

++ Đặc điểm chung của nghệ thuật hội họa thời kì này là tuy đề tài vẫn khai thác trong kinh thánh hoặc thần thoại, nhưng nội dung thì hoàn toàn hiện thực.

++ Nhà danh họa khổng lồ người Ý của thời kỳ này là Lêôna đơ Vanhxi với các tác phẩm như *Nàng Giôcôngđơ*, *Bữa tiệc cuối cùng*, *Đức mẹ đồng trinh trong hang đá*. Từ thế kỷ XV, ông đã có ý tưởng thay mái chèo của thuyền bằng cánh quạt đẩy nước, vẽ ra nguyên tắc hoạt động của máy bay, dù thoát hiểm,... Bức tranh “Bữa tiệc cuối cùng”, dựa vào câu chuyện trong bữa tiệc chia tay nhau, Chúa Giêsu đã nói với các tông đồ của mình rằng: “Trong các ngươi sẽ có một kẻ phản bội ta”. Bức tranh đã thể hiện được nội tâm của các nhân vật dự tiệc khi nghe câu nói đó: người thì ngạc nhiên, người thì tức giận, người thì buồn bã, người thì biểu thị sự ngay thẳng trung thực của mình... Đây là một bức tranh rất hoàn hảo về mô tả nhân vật, bố cục và màu sắc.

++ Raphaen (1483-1520) cũng là một họa sĩ thiên tài của Ý. Tuy ông chết tương đối sớm (37 tuổi) nhưng ông đã để lại nhiều tác phẩm nổi tiếng như *Cô gái làm vườn xinh đẹp*, các bức tranh vẽ về thánh mẫu... Ông là một họa sĩ có sở trường về vẽ chân dung, đặc biệt là thể hiện được một cách sống động vẻ đẹp tươi tắn của các cô gái, vẻ hiền hậu dịu dàng của người mẹ và nét ngây thơ đáng yêu của các em bé.

+ Về phương diện kỹ thuật:

++ Phát minh in ấn, chế tạo ra giấy => bình dân hóa việc học, thúc đẩy văn hóa phát triển.

++ Xây dựng thành công lò gang nấu quặng, không chỉ nấu được gang mà luyện được thép.

++ Cải tiến bánh xe nước cùng nhiều phát minh mới thúc đẩy ngành công nghiệp.

++ Ngành giải phẫu có nhiều bước tiến mới đã đánh một đòn mạnh mẽ vào chủ nghĩa duy tâm.

+ Về khoa học tự nhiên, thành tựu của phong trào văn hóa Phục Hưng đem lại nhiều bước tiến vượt bậc với sự góp phần của nhiều nhà khoa học: Nhiều nhà khoa học đã dũng cảm chống lại những quan điểm sai lầm bảo thủ, góp phần thay đổi cách nhìn của con người thời bấy giờ về Trái Đất và vũ trụ như Cô-péc-ních, Bru-nô, Ga-li-lê.

*** Thu thập, phân tích và đánh giá về: Kiến trúc thành Thăng Long**

Sau khi ra chiếu dời đô, vua Lý Công Uẩn đã cho xây dựng thành quách, cung điện chùa chiền thành một kinh thành Thăng Long nguy nga tráng lệ để đóng đô.

Kinh thành Thăng Long gồm 3 vòng thành, mọi hoạt động của hoàng tộc qua các triều đều tại Cẩm Thành, phía bên ngoài là cung điện, phủ đệ, cụm kiến trúc giáo dục tín ngưỡng,...

Trong liên lục 8 thế kỷ Thăng Long tồn tại với một toà thành hoa lệ, bề thế. Vào thời Lý, Hoàng Thành dựa trên vị trí của thành Đại La. Trải qua các triều đại nhà Trần, hậu Lê, toà thành vẫn ở trên vị trí này, có chỉnh trang lại.

Vào thời nhà Nguyễn, kinh đô dời vào Phú Xuân (Huế), Hà Nội trở thành Tổng Trấn Bắc. Quy mô của thành Hà Nội vào thời kỳ này nhỏ hơn các thời kỳ trước đó.

Thành cổ Hà Nội xưa có 3 vòng (tam trùng thành quách). Thành nhỏ nhất ở trong cùng là Tử Cấm Thành, là nơi chỉ dành cho nhà vua, hoàng hậu cùng số ít cung tần mỹ nữ trú ngụ. Qua các triều đại kinh thành Thăng Long có nhiều tên gọi khác nhau, thời Lý gọi là Cung Thành, thời Trần gọi là long Phượng Thành, thời Hậu Lê gọi là Cấm Thành.

Một cửa duy nhất nối liền giữa Cấm Thành và Hoàng Thành là Đoan môn. Hoàng Thành là vòng thành thứ 2 ở giữa Cấm Thành với thành ngoài. Trong Hoàng Thành là khu triều chính, nơi ở và làm việc của các quan trong triều, giữa Hoàng Thành với Kinh Thành Thăng Long có khá nhiều cửa, nay chỉ còn lại một cửa là bắc Môn, hiện thuộc địa phận phố Phan Đình Phùng.

Vòng ngoài cùng gọi là Kinh Thành, đắp bằng đất. Đây là chỗ dân cư sinh sống. Kinh Thành có nhiều cửa trở ra bên ngoài. Vào thời Lê, Kinh Thành Thăng Long có tất cả 16 cửa ô. Vào thời Nguyễn còn 12 cửa ô. Đầu thế kỷ 20 chỉ còn 5 cửa ô là Ô Dừa, Ô Đống Mác, Ô Cầu Dền, Ô Cầu Giấy và ô Quan Chưởng.

Ngày nay, riêng Ô Quan Chưởng, tên cũ là Đông Hà môn có nghĩa là cửa dành cho thuyền ra vào bến sông, còn được tồn tại. Cửa Ô Quan Chưởng gồm một cửa chính và hai cửa phụ. Trên có vọng lâu, bên tường phía trái có một tấm bia khắc năm 1882 ghi lệnh của tổng đốc Hoàng Diệu, cấm binh lính sách nhiễu dân chúng qua lại. Bốn cửa ô khác chỉ còn trong trí nhớ mơ màng của người dân đất Hà Thành mỗi khi hoài niệm về thuở xa xôi. Một số đoạn thành đất của Kinh Thành xưa còn để lại dấu vết như là đường Đại La, Hoàng Hoa Thám và La Thành.

Câu 5. Xây dựng đề cương cho đề tài: An Dương Vương trong dòng lịch sử tộc Việt

*** Đặt vấn đề**

- Truyền thuyết dân gian *An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy*
- Sức sống mãnh liệt của nhân vật An Dương Vương.

*** Giải quyết vấn đề**

- **LĐ 1:** An Dương vương trong dòng lịch sử tộc Việt.
- **LĐ 2:** Nguồn gốc An Dương Vương.
- **LĐ 3:** Cuộc kháng chiến chống Tần và vai trò của An Dương Vương trong giai đoạn cuối của tộc Việt.
- **LĐ 4:** Nước Âu Lạc và nhà nước của người Việt cổ.

*** Kết thúc vấn đề**

*** Tài liệu tham khảo**

1. Ngô Tất Tố, “Nước Nam không có ông An Dương Vương nhà Thục”, Tao Đàn số 3, ngày 1-4-1939.
2. Phương Hòa, Chiếc trống có chữ khắc duy nhất trong thành Cổ Loa.
3. Đinh Ngọc Viện, Qua thành Bản Phủ trở lại vấn đề Thục Phán – An Dương Vương trong lịch sử Việt Nam.
4. Lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỷ X, Sđd, tr. 172.
5. Trịnh Hoàng Hiệp, Kết quả nghiên cứu thành Cổ Loa (2007 – 2014), Tạp chí Khoa học Đại học Đà Lạt.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.

- **Chuẩn bị bài: Ôn tập học kì I (Hoàn thành đề cương ôn tập theo hướng dẫn SGK)**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....